

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 9527/BC-VPCP

Hà Nội, ngày 05 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO

UBND TỈNH KHÁNH HOÀ

Tình hình, kết quả cải cách thủ tục hành chính tháng 11 năm 2023

ĐẾN

Số: 7850

Ngày: 06/12

Chuyển:

Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Chính phủ.

Thực hiện nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ giao¹, trên cơ sở báo cáo của các bộ, ngành, địa phương và dữ liệu từ Bộ chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp trên Công Dịch vụ công quốc gia (DVCQG), Văn phòng Chính phủ báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về tình hình, kết quả thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính (TTHC) tháng 11 năm 2023 như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Về công tác chỉ đạo, điều hành

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tiếp tục quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương quyết liệt hơn nữa trong việc cắt giảm, đơn giản hóa các TTHC, điều kiện kinh doanh không cần thiết, không hợp lý; tập trung rà soát, nâng cao hiệu quả giải quyết TTHC và chất lượng dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)², tạo thuận lợi và giảm thiểu chi phí thực hiện TTHC cho người dân, doanh nghiệp. Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ, dưới sự chủ trì của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính, Trưởng Ban Chỉ đạo tại Phiên họp thứ sáu, trực tuyến với 63 địa phương đã chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương thực hiện nhiều nhiệm vụ trọng tâm để đẩy mạnh hơn nữa công tác cải cách hành chính, nhất là cải cách TTHC bảo đảm thiết thực, hiệu quả³.

Tổ công tác cải cách TTHC của Thủ tướng Chính phủ đã quyết liệt chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh⁴, phân cấp trong giải quyết TTHC và cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước⁵. Phó Thủ tướng Trần Lưu Quang - Tổ trưởng Tổ công tác đã làm việc trực tuyến với 03 bộ và 08 địa phương để đánh giá và định hướng nhiệm vụ cụ thể nhằm thúc đẩy công tác cải cách TTHC trong thời gian tới⁶.

¹ Công điện số 644/CĐ-TTg ngày 13/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ

² Nghị quyết số 185/NQ-CP ngày 07/11/2023 của Chính phủ

³ Thông báo số 489/TB-VPCP ngày 28/11/2023 của Văn phòng Chính phủ

⁴ Văn bản số 97/TCTCCTTHC ngày 12/11/2023 của Tổ công tác cải cách TTHC của Thủ tướng Chính phủ

⁵ Văn bản số 100/TCTCCTTHC ngày 14/11/2023 của Tổ công tác cải cách TTHC của Thủ tướng Chính phủ

⁶ Thông báo kết luận số 476/TB-VPCP ngày 20/11/2023 của Văn phòng Chính phủ

2. Về cải cách quy định TTHC

a) Kết quả đánh giá tác động và thẩm định, thẩm tra TTHC trong dự án, dự thảo VBQPPL có quy định TTHC

Trong tháng 11, các bộ, ngành, địa phương đã đánh giá tác động 130 TTHC tại 18 dự thảo VBQPPL⁷, thực hiện thẩm định 78 TTHC quy định tại 23 dự thảo VBQPPL⁸. Tính 11 tháng năm 2023, các bộ, ngành, địa phương đã đánh giá tác động đối với 1.059 TTHC tại 171 dự thảo VBQPPL, thẩm định đối với 965 TTHC tại 161 dự thảo VBQPPL.

Văn phòng Chính phủ đã thực hiện thẩm tra 20 TTHC tại 04 dự thảo Nghị định, trong đó, đã đề nghị sửa đổi, bổ sung 20 TTHC, chiếm 100%. Tính 11 tháng năm 2023, đã thẩm tra đối với 1.025 TTHC, quy định kinh doanh (QĐKD) tại 62 dự thảo VBQPPL, trong đó đã đề nghị không quy định 82 TTHC, QĐKD, sửa đổi, bổ sung 559 TTHC, QĐKD, chiếm 62,5%.

b) Kết quả cắt giảm, đơn giản hóa quy định, TTHC

(1) Kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ:

Trong tháng 11, các bộ, ngành đã tiếp tục rà soát để cắt giảm, đơn giản hóa QĐKD. Tổng số QĐKD được cắt giảm, đơn giản hóa trong 11 tháng 2023 là 341 QĐKD tại 30 VBQPPL⁹.

(Chi tiết tại Phụ lục I)

(2) Kết quả rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ theo Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ:

Trong tháng 11, các bộ, ngành, địa phương tiếp tục rà soát để cắt giảm, đơn giản hóa các TTHC nội bộ đã được công bố, tạo thuận lợi cho quá trình thực thi nhiệm vụ, công vụ.

Đến nay, các bộ đã rà soát, công bố hơn 600 TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước và thực hiện trong bộ; các địa phương cũng đang triển khai rà soát, công bố TTHC nội bộ thực hiện trong địa phương, số lượng được công bố nhiều nhất là 256 TTHC (Ninh Thuận).

(Chi tiết tại Phụ lục II, III)

(3) Kết quả thực thi phương án phân cấp trong giải quyết TTHC theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ:

Trong tháng 11, Ủy ban Dân tộc đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành 01 Quyết định¹⁰ để phân cấp 02 TTHC, nâng tổng số TTHC được các bộ, ngành phân cấp trong 11 tháng năm 2023 là 74 TTHC tại 24 VBQPPL¹¹.

⁷ Gồm: 01 Luật, 06 Nghị định, 05 Thông tư và 06 Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh.

⁸ Gồm: 09 Nghị định, 10 Thông tư và 04 Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh.

⁹ Bộ Công Thương chưa cắt giảm, đơn giản hóa QĐKD thuộc phạm vi quản lý.

¹⁰ Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg ngày 23/11/2023 sửa đổi Quyết định 12/2018/QĐ-TTg về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số

¹¹ 13 Nghị định, 03 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và 8 Thông tư

Tính đến nay, các bộ, ngành đã sửa đổi 35 VBQPPL¹² để thực thi phương án phân cấp 141 TTHC, đạt 20%, còn 561 TTHC chưa được phân cấp. Có 03 bộ, ngành¹³ đã hoàn thành việc thực thi phương án phân cấp, còn 07 bộ¹⁴ chưa thực thi phương án phân cấp theo phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.

(Chi tiết tại Phụ lục IV)

(4) Kết quả thực thi 19 Nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư:

Trong tháng 11, có 04 bộ, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trình phê duyệt 07 văn bản¹⁵ để thực thi phương án đơn giản hóa 61 TTHC.

Tính đến nay, các bộ, ngành đã đơn giản hóa 528/1.086 TTHC được giao tại các Nghị quyết chuyên đề của Chính phủ về đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư (đạt 49%), còn 558 TTHC chưa được thực thi phương án; có 05 bộ, ngành¹⁶ đã hoàn thành thực thi 100% phương án đơn giản hóa, có 06 bộ¹⁷ đạt tỷ lệ trên 50%, còn lại các bộ, ngành đạt dưới 50%.

(Chi tiết tại Phụ lục V)

c) Số lượng TTHC được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ

Trong tháng 11, có 32 TTHC được ban hành mới, 52 TTHC được sửa đổi, bổ sung và 17 TTHC được bãi bỏ. Trong đó, có: 29 TTHC ban hành mới, 50 TTHC sửa đổi, bổ sung và 16 TTHC bãi bỏ, tại 08 văn bản QPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của 05 bộ¹⁸; có: 03 TTHC mới, 02 TTHC sửa đổi, bổ sung và 01 TTHC bãi bỏ, tại 04 văn bản QPPL thuộc thẩm quyền của 04 địa phương¹⁹.

3. Về cải cách việc thực hiện TTHC

a) Các chỉ số đánh giá chất lượng trong thực hiện TTHC, dịch vụ công²⁰:

(1) Về công khai, minh bạch trong thực hiện TTHC: tại các bộ, ngành, tỷ lệ TTHC cập nhật, công khai đúng hạn đạt 79% (giảm 2,43% so với tháng 10/2023); tại các địa phương, tỷ lệ TTHC công bố đúng hạn đạt 50,36% (tăng 23,64% so với tháng 10/2023) và TTHC cập nhật, công khai đúng hạn đạt 42,44% (tăng 20,18% so với tháng 10/2023).

(2) Về tiến độ, kết quả giải quyết TTHC: tỷ lệ hồ sơ TTHC xử lý đúng hạn/ trong hạn tại bộ, ngành đạt 5,25% (tăng 1,37% so với tháng 10/2023) và tại các địa phương là 78,31% (tăng 5,79% so với tháng 10/2023).

¹² Gồm: 01 dự thảo Luật đang trình QH, 13 Nghị định; 03 Quyết định của TTgCP và 18 Thông tư.

¹³ 03 cơ quan gồm: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Thanh tra Chính phủ, Ủy ban dân tộc.

¹⁴ 07 bộ gồm: Công Thương, Khoa học và Công nghệ, Ngoại giao, Nội vụ, Tài chính, Tư pháp, Văn hóa - Thể thao và Du lịch.

¹⁵ Gồm: 01 Nghị định và 06 Thông tư.

¹⁶ 05 bộ, ngành gồm: Công an, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Bảo hiểm xã hội Việt Nam

¹⁷ 06 bộ gồm: Lao động - Thương binh và Xã hội, Giáo dục và Đào tạo, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Quốc phòng, Giao thông vận tải.

¹⁸ 05 bộ gồm: Bộ Giao thông vận tải, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Ngoại giao, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tư pháp.

¹⁹ 04 địa phương gồm: Bến Tre, Lâm Đồng, Lào Cai, Long An

²⁰ Số liệu phân tích theo Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia tại thời điểm ngày 26/11/2023.

(3) Về cung cấp dịch vụ trực tuyến:

+ Tỷ lệ TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) tại các bộ, ngành đạt 40,09% (trong đó, DVCTT một phần chiếm 8,41%, DVCTT toàn trình chiếm 31,68%); tại các địa phương đạt 69,19% (trong đó, DVCTT một phần chiếm 10,93%, DVCTT toàn trình chiếm 58,26%). Trong đó, tại các địa phương tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ trong tháng đạt 20,5% (giảm 7,9% so với tháng 10/2023);

+ Tỷ lệ TTHC có giao dịch thanh toán trực tuyến tại các bộ, ngành đạt 37,92% (tăng 4 % so với tháng 10/2023), tại các địa phương đạt 40,04% (giảm 4,12% so với tháng 10/2023); tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến trên tổng số hồ sơ có yêu cầu nghĩa vụ tài chính tại các bộ, ngành đạt 8,09% (giảm 2,19% so với tháng 10/2023), tại các địa phương đạt 34,5% (tăng 0,26% so với tháng 10/2023).

(4) Về số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC: Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC tại các bộ, ngành đạt 30,89%, tại các địa phương đạt 44,24%; tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả bản điện tử có giá trị pháp lý để tái sử dụng tại các bộ, ngành đạt 30,91% (giảm 15,66% so với tháng 10/2023), tại các địa phương đạt 48,05% (tăng 3,93% so với tháng 10/2023); tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin dữ liệu số hóa tại các bộ, ngành đạt 0%, tại các địa phương đạt 10,49% (tăng 1,27% so với tháng 10/2023).

b) Kết quả đánh giá chất lượng thực hiện TTHC, dịch vụ công:

Tổng hợp kết quả, đánh giá chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công, trong tháng 11 năm 2023, Bộ Quốc phòng có điểm đánh giá trung bình, còn lại tất cả đều có điểm đánh giá dưới trung bình (thấp nhất là: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn); 05 địa phương²¹ có điểm đánh giá tốt, 24 địa phương có điểm đánh giá khá, 29 địa phương có điểm trung bình và 05 địa phương có điểm dưới trung bình (thấp nhất là UBND tỉnh Bạc Liêu).

(Chi tiết tại Phụ lục VI)

4. Kết quả tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị

Trong tháng 11, các bộ, ngành, địa phương đã tiếp nhận 2.741 phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức về quy định và hành vi hành chính (giảm 15,7% so với tháng 10/2023) và có 679 PAKN từ tháng trước chuyển sang, nâng tổng số phản ánh, kiến nghị phải xử lý là 3.420 PAKN; trong đó, đã xem xét, xử lý 2.450 PAKN, đạt 72%, các bộ, ngành đã xử lý 572/883 PAKN, đạt 65% (tăng 8% so với tháng 10/2023), các địa phương đã xử lý 1.878/2.537 PAKN, đạt 74% (tăng 5% so với tháng 10/2023); có 06/17 bộ, ngành²² đã xem xét, xử lý 142/401 kiến nghị của các doanh nghiệp được giao tại Nghị quyết số 97/NQ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ, nâng tổng số kiến nghị, đề xuất được xem xét, xử lý là 368/401 kiến nghị, đề xuất (chiếm 92%), 12 bộ, ngành²³ đã hoàn thành việc xử lý kiến nghị nêu trên.

²¹ Gồm: Lâm Đồng, Bắc Giang, Bình Dương, Hà Nam, Bình Định.

²² Gồm: Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Y tế, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

²³ 12 bộ, ngành gồm: Bộ Công an, Bộ Công Thương, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tư pháp, Bộ Y tế, Bộ Xây dựng, Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

(Chi tiết tại Phụ lục VII, VIII)

Văn phòng Chính phủ đã nghiên cứu, có ý kiến và trả lời theo thẩm quyền đối với đề xuất, kiến nghị cụ thể của các bộ, ngành, địa phương.

(Chi tiết tại Phụ lục IX)

II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Chất lượng quy định TTHC, QĐKD tại các dự thảo văn bản QPPL vẫn chưa đáp ứng yêu cầu (trong tháng 11/2023, cơ quan thẩm tra đã đề nghị không quy định, sửa đổi, bổ sung đối với 100% TTHC, QĐKD tại các dự thảo VBQPPL).

2. Việc rà soát, công bố danh mục TTHC nội bộ của các bộ, địa phương chưa đáp ứng yêu cầu, một số bộ, địa phương xác định chưa đầy đủ danh mục TTHC nội bộ thực hiện trong bộ, địa phương; công tác rà soát, đề xuất phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ nói chung và 59 nhóm TTHC nội bộ trọng tâm ưu tiên tại Quyết định số 1085/QĐ-TTg còn chậm, chưa đáp ứng yêu cầu về chất lượng và tiến độ theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ.

3. Còn 04 bộ²⁴ chưa trình Thủ tướng Chính phủ phương án cắt giảm, đơn giản hóa QĐKD; nhiều Bộ chưa quan tâm, thực hiện thống kê, báo cáo, cập nhật, công khai kết quả cắt giảm, đơn giản hóa QĐKD sau khi ban hành, trình cấp có thẩm quyền ban hành VBQPPL có QĐKD²⁵; còn 07 bộ, cơ quan²⁶ chưa thực hiện phân cấp trong giải quyết TTHC.

4. Kết quả số hóa hồ sơ, cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử còn hạn chế, việc tái sử dụng kết quả đã được số hóa còn thấp, nhất là đối với các bộ, ngành; Hệ thống thông tin của một số bộ, ngành chưa được nâng cấp, sẵn sàng kết nối, chia sẻ để tái sử dụng dữ liệu trong giải quyết TTHC, thực hiện DVCTT.

5. Việc xem xét, xử lý khó khăn, vướng mắc trong thực hiện quy định, TTHC cho người dân, doanh nghiệp tại một số bộ, địa phương chưa kịp thời. Việc xem xét, xử lý kiến nghị, đề xuất của doanh nghiệp được nêu tại mục IX Nghị quyết số 97/NQ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ chưa hoàn thành²⁷.

Nguyên nhân chủ yếu của tồn tại, hạn chế nêu trên là do công tác cải cách TTHC tại một số bộ, ngành, địa phương vẫn chưa được quan tâm đúng mức; một số bộ phận, cán bộ, công chức, viên chức chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm trong thực thi công vụ; công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị còn thiếu chủ động, chưa chặt chẽ, kịp thời; hạ tầng công nghệ thông tin còn yếu, thiếu đồng bộ, nhiều hệ thống đã được đầu tư từ lâu, chưa được nâng cấp, phát triển;...

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THÁNG 12 NĂM 2023

Để tiếp tục triển khai có hiệu quả công tác cải cách TTHC, đề nghị các bộ, ngành, địa phương quán triệt, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, kịp thời các quy định,

²⁴ 04 bộ gồm: Công Thương, Tư pháp, Tài chính, Văn hóa - Thể thao và Du lịch

²⁵ Ví dụ: Nghị định số 79/2023/NĐ-CP (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình); Thông tư số 13/2023/TT-BVHTTDL (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch); Thông tư số 05/2023/TT-BGTVT (Bộ Giao thông vận tải); Thông tư số 06/2023/TT-BGTVT (Bộ Giao thông vận tải).

²⁶ 07 bộ, cơ quan gồm: Công Thương, Khoa học và Công nghệ, Ngoại giao, Nội vụ, Tài chính, Tư pháp, Văn hóa - Thể thao và Du lịch

²⁷ Còn 05 bộ, ngành chưa hoàn thành gồm: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Lao động - Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, trong đó tập trung triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

1. Tiếp tục thực hiện nghiêm, đầy đủ, kịp thời, bảo đảm chất lượng, hiệu quả các quy định, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong việc:

a) Kiểm soát các quy định về TTHC, yêu cầu, điều kiện kinh doanh, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chế độ báo cáo, danh mục hàng hóa kiểm tra chuyên ngành ngay trong quá trình xây dựng văn bản QPPL, bảo đảm chỉ ban hành các TTHC, yêu cầu, điều kiện kinh doanh, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chế độ báo cáo, danh mục hàng hóa kiểm tra chuyên ngành thật sự cần thiết, hợp lý, hợp pháp.

b) Công bố, công khai đầy đủ, chính xác thông tin về TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC; triển khai thực hiện có hiệu quả việc đổi mới cơ chế Một cửa, Một cửa liên thông trong giải quyết TTHC; tập trung nguồn lực đẩy nhanh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC, gắn việc số hóa với việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình tiếp nhận, giải quyết TTHC.

c) Thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh, phân cấp trong giải quyết TTHC đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; đẩy nhanh việc rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ, nhất là các nhóm TTHC nội bộ trọng tâm ưu tiên.

d) Thực thi việc cắt giảm, đơn giản hóa các TTHC, giấy tờ liên quan đến quản lý dân cư theo yêu cầu của Chính phủ tại 19 Nghị quyết chuyên đề, đồng thời công bố công khai các TTHC này trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC.

đ) Nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong giải quyết TTHC, nhất là các nhóm TTHC, dịch vụ công liên thông; tiếp tục triển khai công tác thanh tra, kiểm tra nhiệm vụ cải cách TTHC nhằm nâng cao đạo đức công vụ, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, kịp thời xử lý, thay thế các trường hợp né tránh, đùn đẩy, sợ trách nhiệm và vi phạm pháp luật.

2. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường và các địa phương liên quan triển khai thí điểm dịch vụ thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính trong thực hiện TTHC đối với doanh nghiệp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, hoàn thành trước ngày 25 tháng 12 năm 2023.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ và các bộ, cơ quan, địa phương liên quan khắc phục các vấn đề kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với Cổng Dịch vụ công quốc gia, bảo đảm yêu cầu đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp dựa trên dữ liệu theo thời gian thực.

4. Kịp thời tiếp nhận, xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính; đồng thời xử lý dứt điểm các đề xuất, kiến nghị của doanh nghiệp được nêu tại mục IX Nghị quyết số 97/NQ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ.

IV. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

Trên cơ sở tình hình, kết quả và những tồn tại, hạn chế trong công tác cải cách TTHC tháng 11 và 11 tháng năm 2023, Văn phòng Chính phủ kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các đồng chí Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ

quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

1. Tập trung triển khai kịp thời, đầy đủ, hiệu quả các nhiệm vụ nêu tại Mục III và chỉ đạo các cơ quan, đơn vị xem xét, trả lời những đề xuất, kiến nghị của các bộ, ngành, địa phương theo thẩm quyền nêu tại Phụ lục X kèm theo Báo cáo này.

2. Các bộ, cơ quan tập trung rà soát, tái cấu trúc 53 dịch vụ công thiết yếu tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, bảo đảm cắt giảm giấy tờ, thời gian đi lại và chi phí thực hiện thực chất, dễ sử dụng, đáp ứng yêu cầu lấy người dùng làm trung tâm; xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quy trình điện tử liên thông đối với các nhóm TTHC liên thông, hoàn thành trong tháng 4 năm 2024. Văn phòng Chính phủ trực tiếp làm việc với các bộ, ngành, địa phương có liên quan đề đơn đốc và hướng dẫn việc thực hiện.

3. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc thống kê, cập nhật và công khai đầy đủ, chính xác, kịp thời QĐKD và chi phí tuân thủ và kết quả cắt giảm, đơn giản hóa QĐKD lên Cổng tham vấn và tra cứu QĐKD để theo dõi và báo cáo kết quả cải cách, cắt giảm, đơn giản hóa QĐKD tại Bộ, cơ quan.

4. Văn phòng Chính phủ chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương có liên quan xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục các nhóm TTHC liên thông điện tử, tích hợp, cung cấp lên Cổng Dịch vụ công quốc gia năm 2024, hoàn thành trong Quý I năm 2024.

Trên đây là Báo cáo tình hình, kết quả cải cách TTHC tháng 11 và nhiệm vụ trọng tâm tháng 12 năm 2023, Văn phòng Chính phủ kính trình Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTgCP, các Phó TTgCP (để b/c);
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, Cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- VPCP: BTCN, các PCN;
- Trợ lý, Thư ký TTg, các PTTg;
- các Vụ, Cục: TH, KTH, PL, KGVX, NC, CN, NN, ĐMDN, TCCV;
- Lưu: VT, KSTT (2b).



CHỦ NHIỆM

Trần Văn Sơn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

Số: 107 /SY-UBND

SAO Y

Khánh Hòa, ngày 18 tháng 12 năm 2023

**TL. CHỦ TỊCH
CHÁNH VĂN PHÒNG**

Nơi nhận:

- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, PT, HL, ĐL. 2



Nguyễn Thanh Hà

Phụ lục II
KẾT QUẢ RÀ SOÁT CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA TTHC NỘI BỘ
TẠI CÁC BỘ, NGÀNH THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 1085/QĐ-TTg NGÀY 15/9/2022
CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
THÁNG 11 NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-VPCP ngày tháng năm 2023
của Văn phòng Chính phủ)

ST T	Tên bộ, ngành	Kết quả công bố danh mục TTHC nội bộ									Kết quả rà soát cắt giảm, ĐGH TTHC nội bộ trong tháng 11/2023							
		Số lượng QĐ công bố		Số TTHC nội bộ được công bố						Số TTHC bãi bỏ		Số TTHC sửa đổi, bổ sung		Số TTHC giữ nguyên		Cộng		
		Trong tháng 11	Cộng đến tháng 11	Trong tháng 11			Cộng đến tháng 11			Nhóm A	Nhóm B	Nhóm A	Nhóm B	Nhóm A	Nhóm B	Nhóm A	Nhóm B	
				Nhóm A	Nhóm B	Cộng	Nhóm A	Nhóm B	Cộng									
A	B	1	2	3	4	5=(3+4)	6	7	8=(6+7)	9	10	11	12	13	14	15=(9+11+13)	16=(10+12+14)	
	TỔNG CỘNG:	2	26	20	0	20	616	711	1,327	0	0	0	0	0	0	0	0	
1	Bộ Tài nguyên và MT	2	2	20	0	20	20	0	20	0	0							
2	Bộ Thông tin và TT	0	1				56	51	107	0	11	0	11	0	29	0	51	
3	Bộ Công an	0	1				19	173	192	0	0							
4	Bộ Công thương	0	1				34	23	57	0	0							
5	Bộ Giáo dục và Đào tạo	0	1				3	3	6	0	0							
6	Bộ Giao thông vận tải	0	1				31	29	60	0	0							
7	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	0	1				84	11	95	0	0							
8	Bộ Khoa học và CN	0	1				13	12	25	0	0							
9	Bộ Lao động, TB&XH	0	1				0	10	10	0	0							
10	Bộ Ngoại giao	0	1				8	6	14	0	0							
11	Bộ Nội vụ	0	1				14	0	14	0	0							
12	Bộ NNN&PTNT	0	2				91	67	158	0	0							
13	Bộ Quốc phòng	0	2				77	0	77	0	0							
14	Bộ Tài chính	0	1				76	24	100	0	0							
15	Bộ Tư pháp	0	0				0	0	0	0	0							
16	Bộ VH TT & DL	0	1				19	0	19	0	0							
17	Bộ Xây dựng	0	1				17	5	22	0	0							
18	Bộ Y tế	0	1				10	58	68	0	0							
19	Ngân hàng NN Việt Nam	0	1				0	77	77	0	0							
20	Thanh tra Chính phủ	0	2				11	46	57	0	0							
21	Ủy ban dân tộc		1				8	2	10	0	0							
22	Văn phòng Chính phủ	0	2				25	114	139	0	0							

Phụ lục IV
KẾT QUẢ PHÂN CẤP TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
TẠI CÁC BỘ, NGÀNH THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 1015/QĐ-TTg NGÀY 30/8/2022
CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
THÁNG 11 NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-VPCP ngày tháng năm 2023
của Văn phòng Chính phủ)

Số TT	Tên bộ, cơ quan	Tổng số TTHC đã được phê duyệt phương án phân cấp					Số TTHC đã thực thi phương án phân cấp trong tháng 11/2023			Cộng số TTHC đã thực thi PA phân cấp trong 11 tháng 2023	Tổng cộng số TTHC đã phân cấp đến tháng 11/2023		Số TTHC còn chưa thực thi phương án phân cấp
		Tổng số	Trong đó:		Chia ra:		Tổng số	Trong đó:			Số TTHC đã thực thi phương án phân cấp	Tỷ lệ % so với tổng số	
			Phân cấp theo QĐ 1015 của TTgCP	Bộ, CQ chủ động phân cấp	Phân cấp từ cấp trên xuống cấp dưới (kể cả ngành dọc)	Phân cấp trong nội bộ của bộ, cq, từng cấp CQ địa phương		Phân cấp từ cấp trên xuống cấp dưới (kể cả ngành dọc)	Phân cấp trong nội bộ của bộ, cq, từng cấp CQ địa phương				
A	B	1					2=(3+4+5)	3	4	6	7	8=(7/1)%	9 = (1-7)
Tổng số:		702	699	3	328	374	2	2	0	74	141	20%	561
1	Ngân hàng NN VN	20	20	0	15	5	0	0	0	16	20	100%	0
2	Thanh tra CP	3	3	0	3	0	0	0	0	3	3	100%	0
3	Ủy ban dân tộc	2	2	0	2	0	2	2	0	2	2	100%	0
4	Bộ LĐTB&XH	3	3	0	1	2	0	0	0	2	2	67%	1
5	Bộ GTVT	58	58	0	37	21	0	0	0	0	32	55%	26
6	Bộ TN&MT	36	36	0	16	20	0	0	0	13	18	50%	18
7	Bộ Xây dựng	17	15	2	16	1	0	0	0	0	8	47%	9
8	Bộ TT&TT	66	66	0	13	53	0	0	0	18	19	29%	47
9	Bộ NN&PTNT	49	49	0	24	25	0	0	0	6	13	27%	36
10	Bộ Quốc phòng	40	40	0	0	40	0	0	0	0	9	23%	31
11	Bộ Công an	49	49	0	49	0	0	0	0	10	11	22%	38
12	Bộ KH&ĐT	26	26	0	23	3	0	0	0	2	2	8%	24
13	Bộ GD&ĐT	19	19	0	4	15	0	0	0	1	1	5%	18
14	Bộ Y tế	70	69	1	70	0	0	0	0	1	1	1%	69
15	Bộ Công thương	45	45	0	25	20	0	0	0	0	0	0%	45
16	Bộ KH&CN	12	12	0	0	12	0	0	0	0	0	0%	12
17	Bộ Ngoại giao	2	2	0	0	2	0	0	0	0	0	0%	2
18	Bộ Nội vụ	55	55	0	15	40	0	0	0	0	0	0%	55
19	Bộ Tài chính	46	46	0	5	41	0	0	0	0	0	0%	46
20	Bộ Tư pháp	59	59	0	1	58	0	0	0	0	0	0%	59
21	Bộ VH TT & DL	25	25	0	9	16	0	0	0	0	0	0%	25

Phụ lục V
KẾT QUẢ THỰC THI PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA
THEO 19 NGHỊ QUYẾT CỦA CHÍNH PHỦ VỀ ĐƠN GIẢN HÓA TTHC,
GIẤY TỜ CÔNG DÂN LIÊN QUAN ĐẾN QUẢN LÝ DÂN CƯ
THÁNG 11 NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-VPCP ngày tháng năm 2023
của Văn phòng Chính phủ)

Số TT	Tên bộ, cơ quan	Tổng số TTHC phải thực thi phương án ĐGH	Số TTHC đã thực thi phương án ĐGH			Số TTHC còn tiếp tục phải thực thi ĐGH	Ghi chú
			Trong tháng 11/2023	Tổng cộng đến tháng 11/2023	Tỷ lệ % so với tổng số		
A	B	1	2	3	4=(3/1)%	5=(1-3)	C
Tổng cộng:		1,086	91	528	49%	558	
1	Bộ Công an	114	0	114	100%	0	
2	Bộ Khoa học và Công nghệ	13	0	13	100%	0	
3	Bộ Nông nghiệp và PTNT	15	0	15	100%	0	
4	Bộ Xây dựng	17	0	17	100%	0	
5	Bảo hiểm XHVN	10	0	10	100%	0	
6	Bộ Lao động, Thương binh và XH	60	0	52	87%	8	
7	Bộ Tài nguyên và Môi trường	28	8	24	86%	4	
8	Bộ Giáo dục và Đào tạo	32	0	27	84%	5	
11	Bộ Giao thông vận tải	106	30	67	63%	39	Giảm 30 TTHC do Thông tư quy định các thủ tục đã hết hiệu lực và Bộ GTVT không ban hành Thông tư thay thế
9	Bộ Công thương	67	0	36	54%	31	
10	Bộ Quốc phòng	52		26	50%	26	
12	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	30	4	14	47%	16	
13	Bộ Tài chính	71	0	29	41%	42	
14	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	119	45	45	38%	74	
15	Bộ Tư pháp	98	4	18	18%	80	
16	Bộ Thông tin và Truyền thông	55	0	9	16%	46	
17	Bộ Y tế	73	0	9	12%	64	
18	Bộ Ngoại giao	26	0	2	8%	24	
19	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	100	0	1	1%	99	

Phụ lục VI
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG
THEO BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP
THÁNG 11 NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-VPCP ngày tháng năm 2023
của Văn phòng Chính phủ)

Tên bộ, ngành, địa phương	Điểm đánh giá trong tháng 11/2023	Tăng (+), giảm (-) so với T10/2023	Ghi chú
XẾP HẠNG BỘ, NGÀNH			
1. Bộ Quốc phòng	63,75	(+) 4,9	
2. Bộ Tư pháp	48,41	(-) 0,4	
3. Bảo hiểm xã hội Việt Nam	48,17	(-) 3,6	
4. Tập đoàn Điện lực Việt Nam	47,82	(-) 5,2	
5. Bộ Xây dựng	45,59	(-) 6,0	
6. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	43,13	(-) 11,4	
7. Bộ Tài chính	42,92	(-) 6,6	
8. Bộ Công thương	42,58	(-) 19,3	
9. Bộ Ngoại giao	42,44	(+) 5,9	
10. Bộ Giao thông vận tải	41,94	(+) 3,1	
11. Bộ Tài nguyên và Môi trường	41,37	(+) 8,1	
12. Bộ Kế hoạch và Đầu tư	40,93	(-) 7,1	
13. Bộ Thông tin và Truyền thông	39,91	(-) 0,9	
14. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	38,92	(+) 1,9	
15. Bộ Nội vụ	37,21	(-) 2,1	
16. Bộ Khoa học và Công nghệ	36	(+) 0,2	
17. Bộ Công an	35,78	(+) 7,2	
18. Bộ Y tế	33,32	(+) 6,0	
19. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	32,64	(+) 0,5	
20. Bộ Giáo dục và Đào tạo	32,37	(+) 0,2	
21. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	30,69	(-) 7,1	
XẾP HẠNG ĐỊA PHƯƠNG			
1. UBND tỉnh Lâm Đồng	83,86	(+) 6,27	
2. UBND tỉnh Bắc Giang	83,65	(-) 0,05	
3. UBND tỉnh Bình Dương	82,55	(-) 0,03	
4. UBND tỉnh Hà Nam	81,5	(+) 5,03	
5. UBND tỉnh Bình Định	81,39	(+) 1,32	
6. UBND tỉnh Nam Định	78,79	(+) 1,46	

Tên bộ, ngành, địa phương	Điểm đánh giá trong tháng 11/2023	Tăng (+), giảm (-) so với T10/2023	Ghi chú
7. UBND tỉnh Đồng Tháp	78,74	(+) 2,39	
8. UBND tỉnh Hòa Bình	78,69	(+) 3,67	
9. UBND tỉnh Cà Mau	78,64	(-) 7,52	
10. UBND tỉnh Hải Dương	76,48	(+) 4,56	
11. UBND tỉnh Lào Cai	74,96	(-) 6,70	
12. UBND tỉnh Vĩnh Phúc	74,25	(+) 1,76	
13. UBND tỉnh Điện Biên	74,15	(+) 7,48	
14. UBND tỉnh Quảng Trị	73,85	(-) 0,24	
15. UBND tỉnh Yên Bái	73,14	(-) 2,13	
16. UBND tỉnh Hà Tĩnh	73	(+) 3,36	
17. UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	72,9	(-) 5,31	
18. UBND tỉnh Quảng Nam	72,75	(+) 1,22	
19. UBND tỉnh Tây Ninh	71,57	(+) 6,10	
20. UBND tỉnh Bắc Ninh	71,52	(+) 3,47	
21. UBND tỉnh Hưng Yên	71,46	(-) 1,67	
22. UBND tỉnh Thanh Hóa	71,4	(+) 8,64	
23. UBND tỉnh Hà Giang	71,12	(-) 7,82	
24. UBND tỉnh Nghệ An	70,96	(-) 0,23	
25. UBND tỉnh Kiên Giang	70,82	(+) 4,25	
26. UBND tỉnh Kon Tum	70,79	(-) 9,23	
27. UBND Thành phố Cần Thơ	70,27	(+) 1,00	
28. UBND tỉnh An Giang	70,02	(+) 4,42	
29. UBND tỉnh Tuyên Quang	70,01	(-) 7,62	
30. UBND tỉnh Thái Nguyên	69,87	(-) 5,27	
31. UBND tỉnh Quảng Ngãi	68,49	(-) 7,48	
32. UBND tỉnh Lạng Sơn	68,44	(-) 0,11	
33. UBND tỉnh Bình Phước	67,68	(+) 10,95	
34. UBND tỉnh Cao Bằng	67,67	(+) 4,78	
35. UBND tỉnh Tiền Giang	66,45	(+) 3,38	
36. UBND Thành phố Hải Phòng	64,06	(-) 10,06	
37. UBND tỉnh Khánh Hòa	63,37	(-) 1,05	
38. UBND tỉnh Long An	62,85	(+) 7,05	
39. UBND tỉnh Đắk Lắk	62,56	(+) 3,27	
40. UBND tỉnh Phú Yên	61,81	(-) 1,63	
41. UBND Thành phố Đà Nẵng	61,59	(-) 4,12	

Tên bộ, ngành, địa phương	Điểm đánh giá trong tháng 11/2023	Tăng (+), giảm (-) so với T10/2023	Ghi chú
42. UBND tỉnh Thừa Thiên Huế	61,03	(+) 3,62	
43. UBND tỉnh Lai Châu	61,01	(-) 3,73	
44. UBND tỉnh Quảng Ninh	59,79	(-) 9,58	
45. UBND tỉnh Bắc Kạn	59,54	(+) 1,04	
46. UBND tỉnh Thái Bình	58,66	(+) 1,36	
47. UBND tỉnh Bến Tre	58,02	(-) 0,37	
48. UBND tỉnh Phú Thọ	57,22	(-) 2,04	
49. UBND tỉnh Ninh Thuận	56,7	(-) 3,98	
50. UBND tỉnh Ninh Bình	56,2	(-) 13,39	
51. UBND Thành phố Hồ Chí Minh	56,06	(+) 0,61	
52. UBND tỉnh Sơn La	54,36	(+) 4,91	
53. UBND tỉnh Trà Vinh	53,2	(+) 2,66	
54. UBND tỉnh Sóc Trăng	51,48	(-) 3,19	
55. UBND Thành phố Hà Nội	51,39	(-) 1,21	
56. UBND tỉnh Đắk Nông	50,76	(+) 4,29	
57. UBND tỉnh Đồng Nai	50,72	(-) 0,24	
58. UBND tỉnh Quảng Bình	50,08	(-) 2,03	
59. UBND tỉnh Hậu Giang	48,42	(+) 0,58	
60. UBND tỉnh Bình Thuận	48,03	(-) 5,08	
61. UBND tỉnh Vĩnh Long	47,63	(-) 1,10	
62. UBND tỉnh Gia Lai	41,89	(+) 2,48	
63. UBND tỉnh Bạc Liêu	33,23	(+) 4,99	

Ghi chú: Số liệu đánh giá tại thời điểm ngày 30/11/2023.

II	ĐỊA PHƯƠNG	2,537	509	2,028	1,878	1,830	48	74%	659
1	An Giang	25	0	25	17	17	0	68%	8
2	Bà Rịa - Vũng Tàu	43	10	33	33	33	0	77%	10
3	Bắc Giang	5	0	5	5	5	0	100%	0
4	Bắc Kạn	0	0	0	0	0	0	0%	0
5	Bạc Liêu	13	0	13	13	13	0	100%	0
6	Bắc Ninh	10	6	4	7	7	0	70%	3
7	Bến Tre	19	0	19	19	19	0	100%	0
8	Bình Định	33		33	25	25		76%	8
9	Bình Dương	453	250	203	121	121	0	27%	332
10	Bình Phước	26	7	19	26	26	0	100%	0
11	Bình Thuận	34	20	14	14	14	0	41%	20
12	Cà Mau	10	0	10	10	10	0	100%	0
13	Cao Bằng	4	0	4	3	3	0	75%	1
14	Cần Thơ	47	0	47	47	47	0	100%	0
15	Đà Nẵng	113	0	113	113	73	40	100%	0
16	Đắk Lắk	14	4	10	12	12	0	86%	2
17	Đắk Nông	12	5	7	8	8	0	67%	4
18	Điện Biên	2	2	0	2	2	0	100%	0
19	Đồng Nai	122	26	96	95	95	0	78%	27
20	Đồng Tháp	376	0	376	348	348	0	93%	28
21	Gia Lai	17	0	17	17	17	0	100%	0
22	Hà Giang	2	0	2	1	1		50%	1
23	Hà Nam	41	0	41	38	38	0	93%	3
24	Hà Nội	512	0	512	512	512	0	100%	0
25	Hà Tĩnh	3	0	3	0	0	0	0%	3
26	Hải Dương	18	7	11	16	16	0	89%	2
27	Hải Phòng	17	2	15	9	9	0	53%	8
28	Hậu Giang	19	3	16	16	16	0	84%	3
29	Hòa Bình	25	0	25	16	16	0	64%	9
30	Hưng Yên	1	0	1	0	0	0	0%	1
31	Khánh Hòa	33		33	33	33		100%	0
32	Kiên Giang	9	0	9	6	6	0	67%	3
33	Kon Tum	1	0	1	1	1	0	100%	0
34	Lai Châu	0	0	0	0	0	0	0%	0
35	Lâm Đồng	7	0	7	6	6	0	86%	1
36	Lạng Sơn	18	7	11	10	10	0	56%	8
37	Lào Cai	0	0	0	0	0	0	0%	0
38	Long An	7	0	7	7	6	1	100%	0
39	Nam Định	2	0	2	2	2	0	100%	0
40	Nghệ An	0	0	0	0	0	0	0%	0
41	Ninh Bình	0	0	0	0	0	0	0%	0
42	Ninh Thuận	8	0	8	7	7	0	88%	1

43	Phú Thọ	42	28	14	21	21	0	50%	21
44	Phú Yên	7	0	7	7	7	0	100%	0
45	Quảng Bình	1	0	1	1	1	0	100%	0
46	Quảng Nam	10	6	4	4	4	0	40%	6
47	Quảng Ngãi	34	10	24	24	24	0	71%	10
48	Quảng Ninh	3	0	3	3	3	0	100%	0
49	Quảng Trị	6	0	6	6	6	0	100%	0
50	Sóc Trăng	6	3	3	4	4	0	67%	2
51	Sơn La	17	14	3	3	3	0	18%	14
52	Tây Ninh	27	8	19	0	0	0	0%	27
53	Thái Bình	34	1	33	31	31	0	91%	3
54	Thái Nguyên	5	0	5	2	2	0	40%	3
55	Thanh Hóa	37	18	19	27	27	0	73%	10
56	TP. Hồ Chí Minh	156	65	91	95	88	7	61%	61
57	Thừa Thiên - Huế	5	3	2	5	5	0	100%	0
58	Tiền Giang	1	0	1	0	0	0	0%	1
59	Trà Vinh	9	4	5	7	7	0	78%	2
60	Tuyên Quang	10	0	10	7	7	0	70%	3
61	Vĩnh Long	15	0	15	11	11	0	73%	4
62	Vĩnh Phúc	0	0	0	0	0	0	0%	0
63	Yên Bái	11	0	11	5	5	0	45%	6

Phụ lục VIII

ẾT QUẢ XỬ LÝ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ CỦA DOANH NGHIỆP THEO YÊU CẦU
TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 97/NQ-CP NGÀY 08/7/2023 CỦA CHÍNH PHỦ

THÁNG 11 NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-VPCP ngày tháng năm 2023

của Văn phòng Chính phủ)

Số TT	Tên bộ, ngành	Tổng số đề xuất, kiến nghị phải xử lý	Số đề xuất, kiến nghị đã xem xét, xử lý			Số đề xuất, kiến nghị đang còn tiếp tục xử lý
			Trong tháng 11/2023	Cộng đến tháng 11/2023	Tỷ lệ % so với tổng số	
A	B	1	2	3	4=(3/1)	5=(1-3)
	Tổng cộng:	401	142	368	92%	33
1	Bộ Công an	18	0	18	100%	0
2	Bộ Công Thương	31	0	31	100%	0
3	Bộ Giao thông vận tải	37	0	37	100%	0
4	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2	0	2	100%	0
5	Bộ Khoa học và Công nghệ	6	0	6	100%	0
6	Bộ Tài chính	79	0	79	100%	0
7	Bộ Tài nguyên và Môi trường	17	5	17	100%	0
8	Bộ Thông tin và Truyền thông	8	0	8	100%	0
9	Bộ Tư pháp	1	0	1	100%	0
10	Bộ Y tế	79	79	79	100%	0
11	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	1	0	1	100%	0
12	Bộ Xây dựng	47	47	47	100%	0
13	Bộ Nông nghiệp và Phát triển NT	7	0	6	86%	1
14	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	13	0	11	85%	2
15	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	9	2	7	78%	2
16	Bộ Lao động, Thương binh và XH	16	7	7	44%	9
17	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	30	2	11	37%	19

Phụ lục IX

**TỔNG HỢP TRẢ LỜI ĐỐI VỚI NHỮNG ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG
TẠI BÁO CÁO CẢI CÁCH TTHC THÁNG 11 NĂM 2023 THUỘC THẨM QUYỀN CỦA VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ**

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-VPCP ngày tháng năm 2023 của Văn phòng Chính phủ)

Số TT	Bộ, ngành, địa phương có đề xuất, kiến nghị	Nội dung đề xuất, kiến nghị	Nội dung trả lời của Văn phòng Chính phủ
I	NHÓM NỘI DUNG LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA		
1	Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ Thông tin và Truyền thông đang triển khai xây dựng Hệ thống thông tin giải quyết hồ sơ TTHC mới do Hệ thống Công dịch vụ công cũ là phiên bản thuộc dòng sản phẩm không còn được hỗ trợ nâng cấp nữa. Do đó, đề nghị Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC) hỗ trợ Bộ kết nối Hệ thống giải quyết TTHC mới với Công Dịch vụ công quốc gia để bắt kịp các yêu cầu hiện hành. Trong giai đoạn chuyển tiếp, Bộ đề nghị được hỗ trợ kết nối song song 2 hệ thống (cũ, mới) để giải quyết nốt các việc còn tồn đọng.	Đề nghị Bộ có giải pháp chuyển đổi hồ sơ, dữ liệu thủ tục hành chính đã và đang xử lý trên Hệ thống cũ sang Hệ thống mới đảm bảo liên tục, tránh gián đoạn, xáo trộn trong thực hiện, đồng thời cử cán bộ đầu mối phối hợp với Văn phòng Chính phủ để xử lý những hồ sơ còn tồn đọng trên Hệ thống của Bộ trước khi chuyển sang triển khai Hệ thống mới.
2	UBND TP Cần Thơ	1. Đề nghị tiếp tục nghiên cứu cải tiến, điều chỉnh Công Dịch vụ công quốc gia, đảm bảo tính kết nối xuyên suốt giữa các ngân hàng tham gia thanh toán trực tuyến và tài khoản Công Dịch vụ công quốc gia của tổ chức, cá nhân; giữa Công Dịch vụ công quốc gia với cơ quan giải quyết TTHC trong việc thực hiện giải quyết TTHC, thanh toán phí, lệ phí thực hiện TTHC. 2. Cho phép Hệ thống thông tin giải quyết TTHC địa phương đồng bộ mức độ dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần của TTHC từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC.	1. Văn phòng Chính phủ ghi nhận đề xuất của địa phương và sẽ nghiên cứu hoàn thiện thêm các tính năng của Công Dịch vụ công quốc gia trong thời gian tới. 2. Trường thông tin về mức độ dịch vụ công đã được Công Dịch vụ công quốc gia chia sẻ, cung cấp cho các BNĐP khai thác, sử dụng. Đề nghị TP.Cần Thơ chỉ đạo bộ phận kỹ thuật nghiên cứu kỹ “Tài liệu hướng dẫn kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với Công dịch vụ công quốc gia” được đăng tải trên Công Dịch vụ công quốc gia để thực hiện (mục 4.1.3.3.3. Thông tin dịch vụ công)

3	UBND tỉnh An Giang	Kiến nghị bổ sung, tích hợp tính năng thanh toán trực tuyến đối với các hồ sơ chứng thực điện tử từ bản chính để tạo điều kiện cho cá nhân, tổ chức thanh toán trực tuyến đối với dịch vụ chứng thực bản sao điện tử.	Văn phòng Chính phủ ghi nhận đề xuất của địa phương và sẽ nghiên cứu hoàn thiện thêm các tính năng của Công Dịch vụ công quốc gia trong thời gian tới.
4	UBND tỉnh Hòa Bình	Kiến nghị Văn phòng Chính phủ xem xét, hướng dẫn, hỗ trợ tỉnh Hòa Bình trong cách tính thời gian giải quyết, đồng bộ dữ liệu hồ sơ giải quyết TTHC (lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường, Nội vụ) giữa Công dịch vụ công tỉnh Hòa Bình với Công Dịch vụ công quốc gia nhằm đảm bảo đầy đủ, kịp thời và chính xác theo quy định hiện hành.	Ngày 11 tháng 10 năm 2023, Văn phòng Chính phủ đã tổ chức tập huấn cho các bộ, ngành, địa phương trong đó có hướng dẫn cách thức tính thời gian giải quyết trong đánh giá tiến độ giải quyết, đồng bộ dữ liệu TTHC trong quá trình thực hiện. Văn phòng Chính phủ luôn thường xuyên hỗ trợ về nghiệp vụ và kỹ thuật cho các bộ, ngành, địa phương. Trong quá trình triển khai nhiệm vụ, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị địa phương liên hệ với chuyên viên theo dõi để được trao đổi, hướng dẫn.
5	UBND tỉnh Bắc Ninh	1. Kiến nghị triển khai giải pháp kỹ thuật có chức năng hỗ trợ tổ chức, cá nhân chuyên giấy tờ, tài liệu đã được chứng thực bản sao điện tử từ bản chính vào kho dữ liệu tổ chức, cá nhân trên Công dịch vụ công quốc gia (với các hồ sơ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính trên Công Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: https://quantri.dichvucong.gov.vn). 2. Nghiên cứu, bổ sung thêm hình thức thanh toán trực tuyến như sử dụng mã QR và thanh toán qua Internet/Mobile banking trên Công Dịch vụ công quốc gia	1. Công Dịch vụ công quốc gia đã có chức năng này, đề nghị địa phương nghiên cứu nội dung hướng dẫn tại mục Hỗ trợ bộ, ngành, địa phương để hướng dẫn người dân thực hiện. 2. Đối với nội dung này, Văn phòng Chính phủ đã có nội dung trả lời tại báo cáo thủ tục hành chính tháng 10, đề nghị địa phương nghiên cứu nội dung trả lời của Văn phòng Chính phủ để chủ động triển khai nhiệm vụ.
6	UBND tỉnh Bình Định	Đề nghị Văn phòng Chính phủ xem xét bổ sung trên Công Dịch vụ công quốc gia cho phép tạo tài khoản cơ quan nhà nước (gọi tắt là: “Tổ chức”) để tạo điều kiện	Hiện nay, theo quy định tại Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử, Bộ Công an được giao

		thuận lợi cho các “Tổ chức” trong các giao dịch TTHC dùng để nộp, quản lý hồ sơ, nhận kết quả giải quyết.	nhiệm vụ trong việc xây dựng hệ thống định danh và xác thực điện tử. Thời gian tới, Văn phòng Chính phủ sẽ tích cực phối hợp, làm việc với Bộ Công an để sớm triển khai tính năng định danh và xác thực điện tử của tổ chức trên hệ thống bảo đảm tiến độ theo yêu cầu của Nghị định (ngày 01 tháng 7 năm 2024).
7	UBND tỉnh Lạng Sơn	Đối với các TTHC khi có sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, đề nghị trên Cổng Dịch vụ công quốc gia có phần ghi chú về tình trạng của TTHC (không thực hiện xóa bỏ ngay đối với TTHC bị bãi bỏ) để thuận tiện cho địa phương theo dõi, cập nhật;	<ul style="list-style-type: none"> - Trên CSDLQG về TTHC đã có chức năng thông báo (biểu tượng quả chuông) để hiển thị các TTHC mới cập nhật (thêm mới, bổ sung, bãi bỏ) của các BNĐP. Đề nghị tỉnh Lạng Sơn tra cứu, khai thác chức năng này; - Đối với trường hợp TTHC được tích hợp từ CSDLQGTTTHC với Hệ thống thông tin GQTTHC các BNĐP, các TTHC khi có sự thay đổi sẽ được thông báo qua API. Đề nghị tỉnh Lạng Sơn chỉ đạo bộ phận kỹ thuật nghiên cứu “<i>Tài liệu hướng dẫn kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với Cổng dịch vụ công quốc gia</i>” (Mục 4.1.3.2.7. API Tìm kiếm các thủ tục có sự thay đổi và 4.1.3.3.6. Thông tin TTHC có thay đổi) để thực hiện.
8	UBND các tỉnh: Bắc Kạn Trà Vinh	Hỗ trợ, cung cấp giải pháp kỹ thuật cho phép Cổng Dịch vụ công quốc gia chia sẻ dữ liệu kết quả đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp cho Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh để kết nối, tái sử dụng dữ liệu trong việc tổng hợp, công khai cho tổ chức, cá nhân theo dõi, giám sát và phục vụ việc đánh giá, chỉ đạo, điều hành, đôn đốc, chấn chỉnh đến từng cơ quan, đơn vị cơ sở theo quy định tại Quyết định số 766/QĐ-TTg.	Văn phòng Chính phủ ghi nhận đề xuất của địa phương và sẽ nghiên cứu hoàn thiện thêm các tính năng của Cổng Dịch vụ công quốc gia trong thời gian tới.
9	UBND tỉnh Quảng Trị	Do yêu cầu, áp lực về tỷ lệ triển khai dịch vụ công, nhiều đơn vị, địa phương phải cung cấp dịch vụ công	Đối với nội dung này, Thủ tướng Chính phủ đã có chỉ đạo tại Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2023 về

		<p>đối với cả các thủ tục chưa đáp ứng được điều kiện, dẫn đến người dân chưa nhận thấy được hoàn toàn lợi ích của hệ thống. Do vậy các yêu cầu, mục tiêu nhóm tiện ích khi được đề ra phải phù hợp với thực tiễn; cần xác định triển khai, cung cấp dịch vụ công là nhiệm vụ lâu dài, không được đốt cháy giai đoạn nếu muốn đạt hiệu quả, chất lượng thực sự; nhất là với các nội dung cần cải thiện hạ tầng công nghệ, trang bị thiết bị cho người dân, doanh nghiệp.</p>	<p>tiếp tục đẩy mạnh các giải pháp cải cách và nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp. Theo đó, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo: “Kiên quyết chưa đưa vào xây dựng, cung cấp dịch vụ công trực tuyến đối với thủ tục hành chính hoặc nhóm thủ tục hành chính liên thông chưa có phương án cấu trúc lại và đơn giản hóa quy trình hoặc không phát sinh hồ sơ trong ba năm gần nhất; rà soát, tạm ngừng cung cấp và nhanh chóng đầu tư nâng cấp, hoàn thiện đối với dịch vụ công trực tuyến không đáp ứng được mức độ dịch vụ đã công bố, chưa thông suốt và đơn giản, thuận lợi, giảm thời gian, chi phí thực hiện hơn so với thực hiện trực tuyến qua bưu chính.</p>
II	NHÓM NỘI DUNG LIÊN QUAN ĐẾN BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP TRÊN CÔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA		
1	UBND TP Cần Thơ	<p>Xem xét, điều chỉnh cách tính “Tỷ lệ hồ sơ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa” dựa trên số hồ sơ của TTHC có thành phần hồ sơ là kết quả của TTHC khác thay vì tính trên tổng số hồ sơ TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận, cụ thể: “Tỷ lệ hồ sơ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu, giấy tờ điện tử đã được số hóa/Tổng số hồ sơ TTHC có kết quả có thể tái sử dụng*100%”.</p>	<p>Các chỉ tiêu thực hiện theo quyết định 766/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, đồng thời có sự thống nhất của bộ, ngành, địa phương trước khi trình. Việc đánh giá hiện nay đảm bảo đánh giá việc tái sử dụng thông tin, giấy tờ đã được số hóa phục vụ giải quyết thủ tục hành chính (không chỉ ở cắt giảm hồ sơ phải nộp).</p>
2	UBND tỉnh Bình Dương	<p>1. Sớm ban hành văn bản hướng dẫn và tổ chức tập huấn, hướng dẫn cho các tỉnh về triển khai thực hiện Bộ chỉ số 766 nhằm giúp cho địa phương nâng cao chất lượng phục vụ người dân doanh nghiệp thông qua việc</p>	<p>1. Văn phòng Chính phủ đã tổ chức các buổi tập huấn nghiệp vụ và tập huấn theo chuyên đề về Bộ Chỉ số 766 của các Bộ, ngành, địa phương. Đồng thời, luôn trao đổi, hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương để giải đáp các</p>

		<p>triển khai thực hiện Bộ chỉ số 766 (ví dụ: việc tái sử dụng hồ sơ, kết quả được số hóa và lưu trữ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh,...)</p> <p>2. Thực hiện phân quyền tài khoản để địa phương có thể xem chi tiết điểm và danh sách các hồ sơ, TTHC được tính điểm và hiển thị trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (ví dụ: danh sách về TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần và còn lại trong chỉ tiêu về tỷ lệ TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến; danh sách của các chỉ tiêu về tỷ lệ TTHC có giao dịch thanh toán trực tuyến; tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến; tỷ lệ hồ sơ đồng bộ, kết quả số hóa...).</p>	<p>khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện. Do đó, đề nghị địa phương nghiên cứu lại các tài liệu của các buổi tập huấn đồng thời liên hệ với chuyên viên theo dõi để được trao đổi, hướng dẫn giải đáp các khó khăn vướng mắc.</p> <p>2. Hiện tại, trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đã thực hiện việc phân quyền tài khoản cho các địa phương để địa phương chủ động trong việc theo dõi, tổng hợp, đánh giá các chỉ tiêu của Bộ chỉ số 766.</p>
3	UBND tỉnh Bến Tre	<p>Cập nhật, điều chỉnh dữ liệu nhóm chỉ số “Mức độ hài lòng” của các sở, ban, ngành tỉnh tại địa phương trên Bộ Chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp của địa phương; kịp thời thông báo địa phương biết khi có thay đổi về cách thức tính điểm của các nhóm chỉ số thuộc Bộ Chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo Quyết định số 766/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.</p>	<p>Văn phòng Chính phủ ghi nhận đề xuất của địa phương và sẽ nghiên cứu hoàn thiện thêm các tính năng của Cổng Dịch vụ công quốc gia trong thời gian tới.</p>
4	UBND tỉnh Khánh Hòa	<p>Hướng dẫn cụ thể hơn việc áp dụng Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử theo Quyết định 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ để đánh giá các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện,</p>	<p>Văn phòng Chính phủ đã tổ chức các buổi tập huấn theo chuyên đề về Bộ Chỉ số 766 của các Bộ, ngành, địa phương. Đồng thời, luôn trao đổi, hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương để giải đáp các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện. Do đó, đề nghị địa phương nghiên cứu lại các tài liệu của các buổi tập huấn</p>

		UBND cấp xã (Việc đánh giá chất lượng giải quyết TTHC đối với cá nhân có thẩm quyền giải quyết TTHC (nếu có), việc đánh giá các tiêu chí công khai, minh bạch đối với cấp huyện, xã); cung cấp bộ chỉ số tổng hợp, chỉ số thành phần của chi tiết từng đơn vị cấp sở, cấp huyện, cấp phòng, ban của huyện, cấp xã.	đồng thời liên hệ với chuyên viên theo dõi để được trao đổi, hướng dẫn giải đáp các khó khăn vướng mắc.
5	UBND tỉnh Ninh Thuận	Sớm hoàn thiện đầy đủ các tính năng Bộ Chỉ số tại Quyết định 766/QĐ-TTg. Cho phép kết xuất Danh sách cơ quan, đơn vị, cá nhân chậm, muộn trong tiếp nhận, giải quyết TTHC trong nhóm chỉ số “Tiến độ giải quyết” để công khai, minh bạch tại địa phương	Văn phòng Chính phủ ghi nhận đề xuất của địa phương và sẽ nghiên cứu hoàn thiện thêm các tính năng của Công Dịch vụ công quốc gia trong thời gian tới.
6	UBND tỉnh Kon Tum	Cách tính hồ sơ quá hạn trên theo Bộ chỉ số ban hành kèm theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ trên Công Dịch vụ công quốc gia có điểm chưa phù hợp như: (1) có thủ tục Bộ công bố không có thời gian giải quyết nhưng lại được tính hồ sơ quá hạn (ví dụ thủ tục tiếp nhận vào làm công chức - 1.005385); (2) Thủ tục thi tuyển công chức - 1.005384, Bộ Nội vụ công bố trình tự thực hiện rất nhiều bước với nhiều thời gian nhưng công khai thời gian giải quyết là 30 ngày làm việc dẫn đến khó khăn cho địa phương trong việc xây dựng quy trình nội bộ và cấu hình quy trình điện tử để thực hiện; (3) Thủ tục Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam- 2.000488, theo văn bản 473/TTLTPQG-HCTH ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia về việc thời gian cấp Phiếu lý lịch tư pháp thì thời gian thực	Văn phòng Chính phủ sẽ tiếp tục đôn đốc các bộ, ngành thực hiện việc công bố, công khai TTHC theo đúng quy định để đảm bảo tính công khai, minh bạch trong quá trình giải quyết TTHC cũng như trong việc đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

		<p>hiện được quy định là 15 ngày làm việc, đồng thời công khai là 15 ngày làm việc nhưng trên Cổng Dịch vụ quốc gia đang được tính là 15 ngày; (4) Thủ tục Cấp lại Giấy phép lái xe - 1.002820 có 2 trường hợp là 10 ngày làm việc và 02 tháng, nhưng trên cổng quốc gia đang được cấu hình mặc định là 10 ngày làm việc, dẫn đến các hồ sơ thuộc trường hợp 2 tháng quá hạn trên Cổng Dịch vụ công quốc. Đề nghị Văn phòng Chính phủ hướng dẫn cụ thể về cách tính hồ sơ quá hạn đối với các TTHC không quy định thời gian giải quyết để địa phương chủ động trong việc sửa đổi quy trình nội bộ và quy trình điện tử phù hợp với quy định.</p>	
III NHÓM NỘI DUNG VỀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ HỆ THỐNG THÔNG TIN BÁO CÁO			
1	UBND tỉnh Nghệ An	<p>Đối với việc thực hiện biểu II.06/VPCP/KSTT của Báo cáo tình hình công tác kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử trên Hệ thống thông tin báo cáo của Văn phòng Chính phủ, đề nghị đối với báo cáo của từng cấp thực hiện thì Hệ thống chỉ cho lấy về các chỉ tiêu báo cáo thuộc cấp đó, tránh trường hợp như hiện nay, chỉ tiêu rất nhiều, nhiều chỉ tiêu na ná, tên gần giống nhau nhưng của các cơ quan, các cấp khác nhau, dễ dẫn đến việc lấy nhầm các chỉ tiêu báo cáo (Ví dụ: chỉ tiêu Thi đua – Khen thưởng của nhiều Bộ, Ngành nhưng đối với UBND cấp xã chỉ được lấy về chỉ tiêu Thi đua – Khen thưởng (Bộ Nội vụ).</p>	Văn phòng Chính phủ sẽ trao đổi với các Bộ, cơ quan để điều chỉnh tên gọi lĩnh vực báo cáo cho phù hợp.
2	UBND tỉnh Quảng Bình	<p>Hỗ trợ, cung cấp giải pháp kỹ thuật cho phép Hệ thống thông tin báo cáo của Văn phòng Chính phủ chia sẻ dữ</p>	Văn phòng Chính phủ đã có giải pháp chia sẻ dữ liệu đáp ứng quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cấu

		liệu tổng hợp về “Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính và hành vi hành chính của tỉnh Quảng Bình” theo biểu số II.05b/VPCP/KSTT ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-VPCP với HTTTBC của tỉnh để kết nối, tái sử dụng trong việc tổng hợp, giám sát và phục vụ việc đánh giá, chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh.	trúc, định dạng dữ liệu phục vụ kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin báo cáo trong Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia (QCVN 125:2021/BTTTT). Đề nghị UBND tỉnh Quảng Bình nghiên cứu Quy chuẩn nêu trên để thực hiện và liên hệ với Văn phòng Chính phủ hỗ trợ trong trường hợp có khó khăn, vướng mắc.
IV	NHÓM NỘI DUNG LIÊN QUAN ĐẾN HỆ THỐNG XỬ LÝ PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ TRÊN CÔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA		
1	UBND TP Hà Nội	Hệ thống tiếp nhận và xử lý phản ánh kiến nghị trên Công Dịch vụ công quốc gia cần được nâng cấp và bổ sung thêm một số tính năng (đặc biệt chức năng thống kê, báo cáo) để giúp việc thực hiện được đơn giản và hiệu quả hơn; Đồng thời rà soát hoặc bổ sung tính năng lọc để tránh các thông tin quảng cáo, phân định và khu trú đơn vị thực hiện tiếp nhận giải quyết chính xác hơn. Thực tế, thời gian qua, Thành phố tiếp nhận nhiều phản ánh kiến nghị (mỗi ngày trung bình khoảng 100 phản ánh kiến nghị) nhưng chủ yếu của cơ quan công an (hộ khẩu, tạm trú...), không thuộc phạm vi, thẩm quyền tiếp nhận.	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống tiếp nhận và xử lý phản ánh kiến nghị trên Công Dịch vụ công quốc gia đã có chức năng thống kê, báo cáo đối với các PAKN được gửi đến hoặc được tiếp nhận, xử lý của các tỉnh, thành phố. Thời gian tới Văn phòng Chính phủ sẽ tiếp tục phát triển các chức năng này để hỗ trợ hiển thị trực quan (dạng dashboard, biểu đồ) cũng như phát triển các bộ lọc/chặn những PAKN mang tính chất quảng cáo, không đúng phạm vi. - Hệ thống tiếp nhận, xử lý PAKN trên Công Dịch vụ công quốc gia cho phép người dân, doanh nghiệp chủ động lựa chọn cơ quan để gửi PAKN. Do đó, trường hợp các PAKN được gửi đến UBND Thành phố Hà Nội nhưng không thuộc phạm vi giải quyết, Thành phố thực hiện phân loại, chuyển các cơ quan có thẩm quyền xử lý theo đúng quy định tại điểm c khoản 3 Điều 43 Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg ngày 11/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Công Dịch vụ công quốc gia
V	NHÓM NỘI DUNG LIÊN QUAN ĐẾN CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ TTHC TRÊN CÔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA		

1	UBND tỉnh Sóc Trăng	Nhiều lĩnh vực TTHC chưa thống nhất giữa Quyết định công bố của các Bộ, ngành và Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC; nhiều TTHC tỉnh đã công bố trước đây nhưng không có mã số trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC. Để đảm bảo và hỗ trợ việc công bố TTHC của tỉnh được chính xác và thuận tiện cho việc báo cáo kiểm soát TTHC định kỳ hằng quý và năm trên Hệ thống báo cáo Chính phủ, UBND tỉnh đề nghị Văn phòng Chính phủ xem xét, phối hợp với các Bộ, ngành định kỳ hàng năm chuẩn hóa, công bố lại danh mục lĩnh vực TTHC, danh mục TTHC thuộc phạm vi quản lý của Bộ, ngành.	Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện nhiệm vụ rà soát, chuẩn hóa dữ liệu theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 933/QĐ-TTg. Do đó, UBND tỉnh Sóc Trăng rà soát, lập danh sách cụ thể những vấn đề nêu trên để gửi cho các Bộ, cơ quan kịp thời điều chỉnh trên CSDLQGTTTHC và thông báo cho Văn phòng Chính phủ để kiểm tra, đôn đốc.
2	UBND tỉnh Cao Bằng	Hỗ trợ, hướng dẫn địa phương đồng bộ trường dữ liệu "Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ" trên CSDL về Công dịch vụ công của tỉnh để công khai đầy đủ đến người dân, doanh nghiệp theo dõi, thực hiện.	Trường thông tin về "Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ" đã được Công Dịch vụ công quốc gia chia sẻ, cung cấp cho các BNĐP khai thác, sử dụng. Đề nghị UBND tỉnh Cao Bằng chỉ đạo bộ phận kỹ thuật nghiên cứu kỹ " <i>Tài liệu hướng dẫn kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với Công dịch vụ công quốc gia</i> " được đăng tải trên Công Dịch vụ công quốc gia để thực hiện (mục 4.1.3.3.1. quy định về các Trường dữ liệu TTHC được chia sẻ cho các BNĐP)
VI NHÓM NỘI DUNG LIÊN QUAN ĐẾN TRIỂN KHAI 02 NHÓM THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN THÔNG			
1	UBND TP Cần Thơ	Đôn đốc Bộ, ngành liên quan sớm giải quyết các khó khăn, vướng mắc của địa phương trong triển khai thực hiện Dịch vụ công liên thông về Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi; Đăng ký khai sinh, xóa đăng ký thường trú, trợ cấp mai táng, hỗ trợ chi phí mai táng.	Văn phòng Chính phủ đã có 02 văn bản đôn đốc các bộ, ngành giải quyết, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc của địa phương trong quá trình triển khai 02 nhóm dịch vụ công liên thông (Văn bản số 7754/VPCP-KSTT ngày 06/10/2023 và Văn bản số 8945/VPCP-KSTT ngày 15/11/2023). Ngoài ra, Văn phòng Chính phủ cũng có nhiều văn bản chuyển các khó khăn, vướng mắc của địa phương đến các bộ, ngành để xử lý. Thời gian tới, Văn

			phòng Chính phủ tiếp tục theo dõi, đôn đốc các bộ, ngành khắc phục triệt để các vướng mắc còn chưa xử lý xong.
VII	NHÓM NỘI DUNG VỀ ĐÔN ĐỐC, HƯỚNG DẪN, TRIỂN KHAI TẬP HUẤN CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ		
1	Bộ Tài nguyên và Môi trường	<p>1. Tăng cường tổ chức tập huấn nghiệp vụ về công tác kiểm soát TTHC, hướng dẫn thực hiện và vận hành có hiệu quả các Hệ thống có liên quan như Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Hệ thống CSDL TTHC của Công dịch vụ công, Hệ thống phản ánh kiến nghị.</p> <p>2. Đề nghị quy định đồng nhất 01 chế độ báo cáo đối với công tác kiểm soát TTHC cũng như cải cách TTHC để bảo đảm thực chất, hiệu quả</p>	<p>1. Văn phòng Chính phủ thường xuyên tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho các bộ, ngành, địa phương để đảm bảo triển khai đồng bộ, thống nhất. Văn phòng Chính phủ ghi nhận ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường và sẽ tổ chức tập huấn tại thời điểm thích hợp.</p> <p>2. Văn phòng Chính phủ tiếp thu, nghiên cứu, lồng ghép các chế độ báo cáo tại dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 01/2020/TT-VPCP ngày 21/10/2020; đồng thời, triển khai các báo cáo điện tử trên Hệ thống thông tin báo cáo của Văn phòng Chính phủ, để bảo đảm thuận lợi cho các bộ, ngành, địa phương trong quá trình thực hiện.</p>
2	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	<p>Đối với nhiệm vụ tái cấu trúc quy trình TTHC, cắt giảm 20% thông tin phải khai báo tại các mẫu đơn, tờ khai trên cơ sở tái sử dụng kết quả số hóa, NHNN xác định đây là nhiệm vụ quan trọng và đã tổ chức triển khai tích cực. Tuy nhiên để triển khai đạt hiệu quả, đề nghị Văn phòng Chính phủ hướng dẫn cụ thể về cách thống kê các trường phải khai báo trong các mẫu đơn, mẫu tờ khai để có cơ sở tính toán % cắt giảm, hướng dẫn lộ trình rà soát tổng thể các văn bản quy phạm pháp luật và xây dựng phương án, thực thi.</p>	<p>Đề nghị NHNN thống kê tất cả các trường thông tin mà doanh nghiệp, tổ chức tín dụng phải khai báo, điền vào mẫu đơn, tờ khai khi thực hiện TTHC. Đồng thời đổi chiều khả năng tích hợp giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của NHNN với các CSDLQG, CSDL chuyên ngành (như Dân cư, Đăng ký doanh nghiệp...) để có phương án cắt giảm thông tin khi xây dựng biểu mẫu điện tử tương tác theo hướng: những thông tin đã có sẵn và được tích hợp từ các hệ thống thông tin, CSDL sẽ được điền tự động vào các biểu mẫu điện tử; doanh nghiệp, tổ chức tín dụng không phải khai báo lại khi nộp hồ sơ trực tuyến</p>
3	UBND tỉnh Đắk Lắk	<p>Ngày 10/11/2023, Văn phòng Chính phủ đã ban hành Công văn số 8815/VPCP-KSTT về việc cập nhật, công</p>	<p>Văn phòng Chính phủ ghi nhận ý kiến và sẽ tổ chức tập huấn tại thời điểm thích hợp.</p>

		khai và rà soát TTHC nội bộ trên hệ thống thông tin; tuy nhiên, để triển khai có hiệu quả và thống nhất, kính đề nghị Văn phòng Chính phủ tổ chức tập huấn hướng dẫn cập nhật, công khai, rà soát TTHC nội bộ thuộc phạm vi quản lý trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và Hệ thống thông tin báo cáo của Văn phòng Chính phủ.	
4	UBND tỉnh Bình Dương	Cục KSTTHC phối hợp Bộ ngành Trung ương hướng dẫn cho địa phương xác định tính pháp lý của các cơ sở dữ liệu nhằm tái cấu trúc TTHC, giảm thành phần hồ sơ giấy cho người dân, doanh nghiệp và đảm bảo an toàn, tránh rủi ro cho cán bộ, công chức khi giải quyết TTHC.	Giá trị pháp lý pháp của thông tin, giấy tờ số hóa đã được quy định tại Luật Giao dịch điện tử, Nghị định số 107/2021/NĐ-CP. Đề nghị địa phương nghiên cứu để triển khai thực hiện.
5	UBND tỉnh Hà Giang	Văn phòng Chính phủ xem xét, hướng dẫn: 1. Quy trình giải quyết hồ sơ TTHC đối với các TTHC có liên thông với Bộ, ngành Trung ương do Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh không thiết lập liên thông điện tử với Bộ, ngành Trung ương dẫn đến trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ tỉnh gặp một số khó khăn, vướng mắc cụ thể: (1) Khó xác định thời gian giải quyết trên Hệ thống của các Bộ, ngành Trung ương; (2) Không có kết quả giải quyết TTHC bản điện tử và bản giấy theo quy định để trả cho tổ chức, cá nhân; (3) Không phân tách quy trình giải quyết hồ sơ TTHC chậm, muộn giữa tỉnh và Bộ, ngành Trung ương dẫn đến khi đồng bộ lên Cổng dịch vụ công quốc gia tỉnh sẽ bị quá hạn quy trình giải quyết hồ sơ. 2. Hướng dẫn việc tổng hợp, chiết xuất số liệu hồ sơ TTHC tiếp nhận, giải quyết trợ cấp thất nghiệp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia, để phục vụ công tác thống	1. Trên phần mềm liên thông, Bộ Công an đã hoàn thiện tính năng xác định thời gian giải quyết và đồng bộ trạng thái với HTTT giải quyết TTHC của bộ, của tỉnh; phần mềm liên thông đã phân tách hồ sơ giải quyết theo quy trình tại văn bản số 2084/VPCP-KSTT; các bộ, ngành đang hoàn thiện tính năng đánh mã để đồng bộ trạng thái với HTTT giải quyết TTHC của cấp tỉnh. 2. Văn phòng Chính phủ ghi nhận đề xuất của địa phương và sẽ nghiên cứu hoàn thiện thêm các tính năng của Cổng Dịch vụ công quốc gia trong thời gian tới.

	<p>kê, tổng hợp quản lý của tỉnh: do hiện tại kết quả tổng hợp số liệu trên Cổng dịch vụ công Quốc gia không có số liệu tiếp nhận, giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp trên do Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Hà Giang thực hiện. Ngày 28/6/2023, Sở Lao động - TBXH tỉnh có Công văn số 827/SLĐTĐTBXH-VP báo cáo Cục Việc làm - Bộ Lao động - TBXH đề nghị kiểm tra và hướng dẫn; đến ngày 17/7/2023, Cục Việc làm có Công văn số 720/CVL-BHTN đề nghị Sở Lao động – TBXH tỉnh liên hệ Cục Kiểm soát TTHC để được hỗ trợ. Vì vậy, đến nay tỉnh Hà Giang vẫn chưa tổng hợp được số liệu này, dẫn tới tỷ lệ hồ sơ trực tuyến chưa đúng với thực tế tại tỉnh.</p>	
	<p>3. Hướng dẫn quy trình giải quyết hồ sơ TTHC đối với các TTHC thuộc trường hợp phải xin ý kiến Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy trước khi phê duyệt theo Quy chế số 01-QC/TU ngày 20/11/2020 của Tỉnh ủy Hà Giang do việc xin ý kiến Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy không có quy định trong các Bộ TTHC.</p>	<p>3. Việc xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử để thực hiện tiếp nhận, giải quyết TTHC qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC được quy định tại Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC: “<i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo xây dựng và ban hành quy trình nội bộ, quy trình điện tử đối với việc giải quyết từng TTHC cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã bảo đảm áp dụng chung thống nhất cho quy trình xử lý công việc liên quan đến giải quyết TTHC trong Hệ thống quản lý chất lượng của cơ quan, tổ chức và thực hiện thống nhất trong toàn địa phương</i>” (Khoản 18 Điều 1); đồng thời, một trong các nguyên tắc xây</p>

			<p>dựng quy trình nội bộ giải quyết TTHC theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP là: “<i>Bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn triển khai tại cơ quan</i>” (Điểm b Khoản 1 Điều 8).</p> <p>Như vậy, trên cơ sở quy định, hướng dẫn tại các văn bản nêu trên, đối với các TTHC thuộc trường hợp phải xin ý kiến Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy trước khi phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang cần rà soát, hoàn thiện quy trình nội bộ giải quyết TTHC (về phương thức, thời gian, ... thực hiện xin ý kiến), bảo đảm việc tiếp nhận, giải quyết TTHC và trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.</p>
6	UBND tỉnh Hà Tĩnh	Kiến nghị có giải pháp cụ thể để hướng dẫn các địa phương trong việc thực hiện số hóa đối với các thành phần hồ sơ TTHC có dung lượng, kích thước lớn. Vì nội dung này liên quan đến việc kiểm tra, đánh giá hàng năm về kết quả thực hiện của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số.	Đối với nội dung này, Văn phòng Chính phủ đã có hướng dẫn tại Thông tư số 01/2023/TT-VPCP Quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Đề nghị địa phương nghiên cứu kỹ nội dung hướng dẫn để triển khai thực hiện.
VIII NHÓM NỘI DUNG KHÁC LIÊN QUAN			
1	Bộ Giao thông vận tải	Đề nghị Văn phòng Chính phủ xem xét nghiên cứu ban hành quy định pháp luật về TTHC nội bộ để các Bộ, ngành, địa phương có cơ sở pháp lý thì thực hiện việc góp ý, kiểm soát TTHC nội bộ tại các dự thảo văn bản	Trên cơ sở kết quả triển khai Kế hoạch rà soát, đơn giản hoá TTHC nội bộ giai đoạn 2022 – 2025 (tại Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022) và ý kiến của Bộ Giao thông vận tải và các bộ, ngành, Văn phòng Chính phủ sẽ chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương nghiên

			cứ, tham mưu cho Chính phủ, lãnh đạo Chính phủ ban hành quy định về kiểm soát TTHC nội bộ tại thời điểm thích hợp.
2	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Đề nghị Văn phòng Chính phủ báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, điều chỉnh kiến nghị thực thi phương án phân cấp thẩm quyền giải quyết 02 TTHC lĩnh vực đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Cục Đầu tư nước ngoài theo hướng sửa Biểu mẫu B.I.11 và B.I.12 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT và ghi đơn vị nhận thông báo là “Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư” mà không nhất thiết phải sửa khoản 2 Điều 68 và điểm a khoản 3 Điều 73 của Luật Đầu tư để bảo đảm thực hiện đúng quy định của Nghị quyết số 56/2017/NQ-QH14 về tiếp tục cải cách bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.	Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ động sửa đổi, bổ sung Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT; sau khi hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT, bộ tổng hợp kết quả vào Báo cáo công tác cải cách TTHC định kỳ để Văn phòng Chính phủ tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về việc đã hoàn thành phương án phân cấp theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg.
3	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	1. Một số phản ánh, kiến nghị của các cá nhân, tổ chức tại Nghị quyết số 97/NQ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ kiến nghị nhiều nội dung, liên quan đến nhiều văn bản quy phạm pháp luật của nhiều bộ, cơ quan nhưng Văn phòng Chính phủ chưa phân công cụ thể cho các bộ, cơ quan đầu mối xử lý tại Báo cáo số 4909/BC-VPCP ngày 03 tháng 7 năm 2023 dẫn đến phân công xử lý bị chông chéo giữa các bộ, cơ quan. Do vậy, đề nghị Văn phòng Chính phủ có văn bản phân chia cụ thể cơ quan chủ trì xử lý đối với các phản ánh, kiến nghị tại Báo cáo số 4909/BC-VPCP.	1. Văn phòng Chính phủ đã tổng hợp nội dung phản ánh, kiến nghị theo các văn bản quy phạm pháp luật mà cá nhân, tổ chức có phản ánh và đề nghị sửa đổi, bổ sung. Theo đó, nội dung phản ánh, kiến nghị liên quan đến văn bản do Bộ ngành nào được giao chủ trì xây dựng thì Bộ ngành đó có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan để xử lý theo chức năng, nhiệm vụ được Chính phủ giao. Các Bộ, ngành có trách nhiệm nghiên cứu PAKN, tổ chức tham vấn lấy ý kiến các đối tượng liên quan và đề xuất phương án sửa đổi, bổ sung các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật liên quan thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ, ngành đề tháo gỡ

		<p>2. Để giảm tải việc phát sinh quá nhiều văn bản hành chính trong việc thực hiện trả lời PAKN của các cá nhân, tổ chức, đề nghị Văn phòng Chính phủ nghiên cứu xây dựng thống nhất “Quy trình tiếp nhận, tổng hợp, tiếp thu, giải trình, phản hồi, cập nhật kết quả xử lý đối với ý kiến góp ý, vướng mắc, đề xuất của tổ chức, cá nhân về chính sách, quy định kinh doanh” trên Cổng tham vấn quy định kinh doanh. Đồng thời, nghiên cứu tích hợp PAKN giữa Cổng tham vấn quy định kinh doanh với Cổng Dịch vụ công để tiện theo dõi trả lời vì nhiều nội dung PAKN các bộ, ngành phải trả lời đồng thời trên cả hai Hệ thống.</p>	<p>khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp; đồng thời, phản hồi ý kiến của các hiệp hội, doanh nghiệp trong quá trình xử lý đến khi có kết quả xử lý cuối cùng. Đồng thời, Nghị quyết cũng yêu cầu định kỳ hàng tháng các Bộ có nhiệm vụ gửi báo cáo kết quả xử lý về Văn phòng Chính phủ để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ tại Báo cáo công tác cải cách TTHC của Bộ mình. Văn phòng Chính phủ theo dõi kết quả xử lý PAKN và phân công xử lý theo văn bản quy phạm pháp luật đang có hiệu lực hoặc theo dự thảo văn bản quy phạm pháp luật do Bộ chủ trì xây dựng.</p> <p>2. Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Chính phủ đang phối hợp với nhà cung cấp dịch vụ xây dựng hoàn thiện Quy trình tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị trên Cổng tham vấn quy định kinh doanh; tích hợp với Hệ thống tiếp nhận, xử lý PAKN trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; đồng thời, hoàn thiện quy định về Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh báo cáo, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành để thực hiện.</p>
4	Bộ Thông tin và Truyền thông	<p>Về việc rà soát, tái cấu trúc quy trình bao gồm việc rà soát cắt giảm số bước trong thực hiện quy trình, số giấy tờ, thông tin phải khai báo để đảm bảo cắt giảm 20% thông tin phải khai báo; Từ đó tính toán chi phí tiết kiệm được sau cắt giảm. Đề nghị lồng ghép hoạt động rà soát, cắt giảm này thực hiện cùng hoạt động rà soát cắt giảm quy định, yêu cầu, điều kiện kinh doanh và tính toán chi phí tiết kiệm được. Lý do: tổn kém nguồn lực của các</p>	<p>Việc tổ chức rà soát thuộc trách nhiệm của bộ đảm bảo đáp ứng yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cũng như thực trạng, nguồn lực triển khai của Bộ. Theo đó, bộ có thể thực hiện đồng thời rà soát nhiều nội dung theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.</p>

		<p>đơn vị khi phải thực hiện trùng lặp các nội dung rà soát, cắt giảm, tính toán chi phí.</p>	
5	Bộ Công Thương	<p>1. Về Thực thi phương án đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân tại Nghị quyết số 100/NQ-CP, Bộ Công Thương xin lùi thời hạn thực hiện đối với 13 TTHC chưa thực thi (trong đó: 03 TTHC tại NĐ 51/2018/NĐ-CP ngày 09/4/2018 của Chính phủ về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa xin lùi sang năm 2024). Lý do: thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái tại công văn số 1514/VPCP-KTTH đồng ý trình 2024; và 10 TTHC tại Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp xin lùi sang tháng 6/2024 - lý do: ngoài nội dung về giấy tờ công dân thì cần sửa thêm các nội dung khác để phù hợp với thực tiễn và có thời gian lấy ý kiến rộng rãi của các cơ quan, đơn vị có liên quan.</p> <p>2. Về thực thi phương án phân cấp TTHC tại Quyết định số 1015/QĐ-TTg (Mục C Phụ lục I Quyết định số 933/QĐ-TTg), Bộ đã và đang xây dựng phương án đối với 23 TTHC, còn 22 TTHC xin lùi thời gian sang 2024 - 2025.</p>	<p>Việc xây dựng ban hành Quyết định số 933/QĐ-TTg đã được Văn phòng Chính phủ lấy ý kiến các bộ, ngành và về cơ bản có sự thống nhất về nhiệm vụ, thời hạn hoàn thành. Đây là những nhiệm vụ trọng tâm phải hoàn thành trong 6 tháng cuối năm 2023 theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ để đẩy mạnh công tác cải cách TTHC, cải thiện môi trường kinh doanh, do đó, đề nghị bộ tập trung nguồn lực khẩn trương thực hiện việc sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật thực thi phương án đơn giản hóa, phân cấp các TTHC tại Kế hoạch cải cách TTHC trọng tâm 6 tháng cuối năm 2023 ban hành kèm theo Quyết định số 933/QĐ-TTg.</p> <p>Đối với các phương án đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân, phân cấp TTHC tại các VBQPPL đã được lãnh đạo Chính phủ đồng ý hoặc có ý kiến chỉ đạo về thời hạn trình sau năm 2023, đề nghị Bộ Công Thương thực hiện theo chỉ đạo của lãnh đạo Chính phủ và kịp thời thông tin cho Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC).</p>

Phụ lục X
TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ ĐỐI VỚI CÁC BỘ, NGÀNH
THÁNG 11 NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-VPCP ngày tháng năm 2023
của Văn phòng Chính phủ)

Số TT	Bộ, ngành, địa phương kiến nghị	Nội dung đề xuất, kiến nghị
1	Bộ Quốc phòng	Đề nghị Bộ Ngoại giao sửa đổi Mẫu 02/2020/NG-XNC và Mẫu số 04/2020/NG-XNC quy định tại Thông tư 04/2020/TT-BNG ngày 25/9/2020 của Bộ Ngoại giao hướng dẫn về việc cấp, gia hạn, hủy giá trị sử dụng sổ hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ và cấp công hàm đề phía nước ngoài cấp thị thực, theo hướng Thủ trưởng cơ quan cử cán bộ, công chức, viên chức quản lý, sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp đi công tác nước ngoài để làm cơ sở cho việc ký số (hiện nay đang yêu cầu mỗi quyết định cử cán bộ đi công tác nước ngoài phải ký 03 văn bản giấy).
2	Bộ Tư pháp	Đề nghị Tòa án nhân dân tối cao và các đơn vị thanh toán trung gian tiếp tục phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ Bộ Tư pháp trong quá trình triển khai phần mềm thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án tích hợp trên Cổng dịch vụ công quốc gia đối với cơ quan thi hành án dân sự.
3	Bộ Thông tin và Truyền thông	<p>Đề nghị Bộ Tài chính chỉ đạo Tổng Cục Hải quan khẩn trương hoàn thành phần mềm, đảm bảo việc thực thi đúng quy định của pháp luật, giảm tải áp lực trong công tác quản lý nhà nước, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp nhập khẩu thiết bị in, nhanh chóng đưa máy móc, thiết bị vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.</p> <p>Kiến nghị Ủy ban dân tộc chỉnh sửa kết quả 02 TTHC cấp tỉnh lĩnh vực công tác dân tộc (mã 1.004875; 1.004888) công khai trên CSDL quốc gia TTHC chưa chính xác.</p>
4	UBND tỉnh An Giang	<p>Kiến nghị với Bộ Kế hoạch và Đầu tư:</p> <p>Ngày 25/8/2023 UBND tỉnh An Giang có văn bản số 1108/UBND-TH gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Văn phòng Chính phủ hỗ trợ kết nối, đồng bộ, chia sẻ dữ liệu giữa Cổng Thông tin quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp và Hệ thống thông tin quốc gia về Đăng ký hợp tác xã vào Cổng DVC quốc gia. Tuy nhiên, đến nay An Giang chưa nhận được phản hồi hỗ trợ từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Qua theo dõi, dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp chỉ chia sẻ dữ liệu cho Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh được truy vấn dữ liệu về trạng thái xử lý hồ sơ trong thời gian có 05 ngày, chưa chia sẻ kết quả giải quyết TTHC và một số trường thông tin khác để thực hiện đánh giá chất lượng giải quyết TTHC, dẫn đến không bảo đảm được nghiệp vụ đánh giá chất lượng quyết TTHC tại địa phương. Do đó, UBND tỉnh An Giang kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư sớm có giải pháp hỗ trợ địa phương khắc phục những bất cập sau:</p>

		<p>+ Hỗ trợ rà soát, đồng bộ đầy đủ dữ liệu thực hiện TTHC, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến, số hóa hồ sơ, trạng thái, kết quả, tiến trình xử lý hồ sơ,..... giữa Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với Cổng dịch vụ công quốc gia theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Đồng thời cung cấp thông tin cán bộ đầu mối phối hợp với địa phương xử lý khi có vấn đề phát sinh. + Chia sẻ đầy đủ dữ liệu thực hiện TTHC, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến, số hóa hồ sơ, trạng thái, kết quả, tiến trình xử lý hồ sơ,... trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh An Giang (không giới hạn về thời gian và số lượng hồ sơ tra cứu) nhằm phục vụ tốt công tác theo dõi, tra cứu, báo cáo, thống kê tại địa phương.</p> <p>+ Xem xét cho phép kết nối liên thông trong tiếp nhận và xử lý hồ sơ giữa Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh An Giang (thực hiện tiếp nhận hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh An Giang để chuyển sang Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp xử lý và thực hiện đồng bộ trạng thái, tiến trình, kết quả xử lý giữa 02 hệ thống).</p>
5	UBND tỉnh Bắc Kạn	<p>Đề nghị Bộ Tư pháp: Hướng dẫn cụ thể hơn về cách thức, các nội dung đánh giá tác động chính sách, đánh giá tác động của TTHC. Tổ chức tập huấn chuyên sâu về kỹ năng thực hiện đánh giá tác động chính sách trong lập đề nghị, dự thảo văn bản QPPL.</p> <p>Đề nghị Bộ Tài chính, Bộ Công an: Sớm có văn bản quy định cụ thể về danh mục nhiệm vụ thuộc Đề án 06/CP do ngân sách địa phương hỗ trợ kinh phí thực hiện để tỉnh có cơ sở bố trí kinh phí thực hiện nhiệm vụ năm 2023 và chủ động trong công tác xây dựng dự toán năm 2024; Thẩm quyền phê duyệt dự án, dự toán các nhiệm vụ thuộc Đề án 06 thực hiện từ nguồn hỗ trợ của ngân sách địa phương; Cơ chế và mức hỗ trợ kinh phí cho Tổ công tác triển khai Đề án 06 tại địa phương.</p>
6	UBND tỉnh Bình Dương	<p>Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư sớm thực hiện việc nâng cấp Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký kinh doanh, bổ sung chức năng tiếp nhận hồ sơ trực tuyến và chức năng số hóa hồ sơ một cửa</p> <p>Đề nghị Bộ Nội vụ sớm ban hành văn bản quy định về tính pháp lý và cách thức lưu trữ đối với hồ sơ TTHC thực hiện dịch vụ công trực tuyến.</p>
7	UBND tỉnh Bình Định	<p>Kiến nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định cụ thể về thời gian “Tổ chức cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản” trong quyết định công bố TTHC theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 19 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ. Vì theo Quyết định số 2901/QĐBTNMT ngày 06 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố TTHC</p>

		<p>được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì TTHC “Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản (mã thủ tục: 1.004434)” và “Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt (mã thủ tục: 1.004433)” không quy định về thời gian tổ chức cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản, địa phương gặp khó khăn trong quá trình thực hiện xây dựng quy trình nội bộ giải quyết 02 TTHC nêu trên.</p>
		<p>Kiến nghị Bộ Y tế xem xét, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định cung cấp API đồng bộ dữ liệu về tình trạng xử lý hồ sơ, thanh toán trực tuyến trên Hệ thống dịch vụ công trực tuyến quản lý trang thiết bị y tế đối với 03 TTHC: (i) Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A, B (mã thủ tục: 1.003029), (ii) Công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D (Mã thủ tục: 1.003039) và (iii) Công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế (Mã thủ tục: 1.003006) với Hệ thống thông tin giải quyết của tỉnh Bình Định để phục vụ công tác quản lý tiếp nhận, xử lý TTHC và thuận lợi trong việc thanh toán phí, lệ phí trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh Bình Định.</p>
		<p>Kiến nghị các Bộ Giao thông vận tải, Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng kịp thời cập nhật các trường hợp miễn, giảm phí, lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính (Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư quy định về phí, lệ phí của Bộ trưởng Bộ Tài chính nhằm khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến (có hiệu lực kể từ ngày 01/12/2023)) để công bố các TTHC liên quan thuộc phạm vi chức năng quản lý, góp phần tạo điều kiện thuận lợi để địa phương công bố Danh mục TTHC đảm bảo tính thống nhất, đúng quy định.</p>
8	UBND TP Cần Thơ	<p>Đề nghị Bộ Giao thông vận tải bảo đảm hoạt động ổn định các trang dịch vụ công trực tuyến chuyên ngành do Bộ quản lý tạo thuận lợi cho quá trình tiếp nhận, giải quyết TTHC của địa phương.</p> <p>Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành văn bản hướng dẫn việc kết nối đồng bộ hồ sơ giữa Hệ thống thông tin về đăng ký kinh doanh với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của địa phương tránh tình trạng công chức Bộ phận Một cửa phải cập nhật cùng lúc 02 hệ thống; đồng thời, bảo đảm Hệ thống thông tin về đăng ký kinh doanh luôn hoạt động ổn định, thông suốt.</p> <p>Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, điều chỉnh thời gian giải quyết TTHC lĩnh vực đất đai trên cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC thành “ngày làm việc” cho phù hợp với Quyết định số 1085/QĐ-BTNMT ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài</p>

		<p>nguyên và Môi trường, giúp địa phương khắc phục tình trạng hồ sơ quá hạn do chênh lệch thời gian giữa Quyết định công bố và công khai trên Hệ thống.</p> <p>Nhằm tạo thuận lợi cho địa phương trong việc công bố, địa phương hóa và xây dựng quy trình nội bộ TTHC, thành phố Cần Thơ đề nghị Bộ Xây dựng rà soát lại các nội dung chưa phù hợp tại Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 26 tháng 10 năm 2023, cụ thể: chưa thống nhất tên TTHC giữa Danh mục TTHC và nội dung cụ thể của từng TTHC; chưa thống nhất về thời hạn giải quyết giữa “Trình tự thực hiện” và “Thời hạn giải quyết”; một số thủ tục thừa nội dung hoặc thiếu nội dung.</p>
9	UBND tỉnh Đắk Lắk	<p>Kiến nghị Bộ Giao thông vận tải xem xét phương án liên thông, kết nối, đồng bộ thông tin, dữ liệu liên quan trong giải quyết TTHC của cá nhân, tổ chức giữa Công dịch vụ công của Cục Đường bộ Việt Nam với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh để thuận lợi cho việc nộp hồ sơ trực tuyến, thống nhất chung trên một Hệ thống; đồng thời, đảm bảo tỷ lệ hồ sơ số hóa, số lượng tiếp nhận, số lượng hồ sơ giải quyết TTHC ngành Giao thông vận tải được công khai theo đúng quy định, phục vụ cho công tác quản lý, điều hành, tạo điều kiện cho địa phương xử lý hồ sơ nhanh chóng, thuận lợi.</p>
10	UBND tỉnh Điện Biên	<p>Đề nghị Bộ Nội vụ rà soát, công khai thời hạn giải quyết các TTHC lĩnh vực Công chức, viên chức trên Công Dịch vụ công quốc gia đúng theo thời hạn công bố tại phần trình tự thực hiện TTHC để địa phương cấu hình quy trình nội bộ, quy trình điện tử đảm bảo đúng thời hạn quy định.</p>
11	UBND tỉnh Gia Lai	<p>Đề nghị Bộ Xây dựng rà soát các Mã số TTHC trước khi ban hành Quyết định công bố TTHC để địa phương đỡ mất thời gian trong việc rà soát, đối chiếu các Quyết định công bố cũ và tra cứu Mã TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC.</p> <p>Đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Bộ Khoa học và Công nghệ nghiên cứu thời hạn giải quyết TTHC tại các Quyết định công bố cho phù hợp (ngày hoặc ngày làm việc), tránh công bố thời hạn giải quyết TTHC “theo tháng” để địa phương thuận tiện trong việc xây dựng quy trình nội bộ giải quyết TTHC.</p>
12	UBND tỉnh Hà Giang	<p>Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, hướng dẫn:</p> <p>a) Cập nhật thời gian giải quyết TTHC đối với 25 TTHC trên có bổ sung trường hợp cộng thêm thời gian 10 ngày trên Công dịch vụ công quốc gia cho đồng bộ với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh; đồng thời, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành: Hiện tại qua rà soát, hiện nay có 25 TTHC (Công bố tại Quyết định số 1085/QĐ-BTNMT ngày 24/8/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường) trên Công dịch vụ công quốc gia chỉ thiết lập thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật mà không cộng thêm 10 ngày đối</p>

		<p>với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; trong khi đó trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh, đang áp dụng thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật và cộng thêm 10 ngày đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (tỉnh Hà Giang là vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn); theo đó, thời gian giải quyết hồ sơ TTHC giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh với Công dịch vụ công quốc gia không khớp nhau, vì vậy khi tiếp nhận, giải quyết hồ sơ trên Hệ thống của tỉnh thì báo đúng hạn nhưng Công dịch vụ công quốc gia báo quá hạn.</p> <p>b) Theo quy định tại Khoản 40, Điều 2, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi Điều 61, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì thời gian thực hiện TTHC không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; Theo đó, đối với các TTHC phải thực hiện nghĩa vụ tài chính, sau khi đã chuyển thông tin địa chính sang cơ quan Thuế để xác định nghĩa vụ tài chính, đồng thời cơ quan thuế ban hành Thông báo nộp tiền thuê đất, Thông báo nộp tiền sử dụng đất..., tại Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh đã thiết lập quy trình thực hiện trong đó: không tính thời gian người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính (hệ thống tạm dừng thời gian thực hiện đối với thủ tục trên). Như vậy, đối với các hồ sơ như trên, tại Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh không báo quá hạn. Tuy nhiên, khi các hồ sơ nêu trên đồng bộ lên Công dịch vụ công Quốc gia, thì Công dịch vụ công Quốc gia vẫn tính thời gian người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính vào thời gian giải quyết hồ sơ, do đó các hồ sơ trên Công dịch vụ công Quốc gia bị báo quá hạn. Kính đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét sửa đổi, bổ sung các TTHC (Có Biểu số 02 kèm theo) có bổ sung thời gian người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính để việc giải quyết TTHC được thuận lợi cho người dân và cơ quan giải quyết TTHC.</p>
13	UBND tỉnh Hà Tĩnh	<p>Kiến nghị Bộ Giao thông vận tải: sớm ban hành các Thông tư (đã lấy ý kiến góp ý), các Văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến thẩm quyền phân cấp giải quyết TTHC để triển khai thực hiện theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định 1015/QĐ-TTg.</p> <p>Kiến nghị Bộ Xây dựng: có giải pháp, quy định cụ thể về tính pháp lý của hồ sơ điện tử trên môi trường mạng đối với các hồ sơ, tài liệu chuyên ngành như bản vẽ CAD, dữ liệu kết quả xử lý chuyên ngành (Sap, Etaps, Photoshop...) để thuận lợi cho các tổ chức, các nhân khi tham gia thực hiện các TTHC trên môi trường mạng bởi vì việc ký số, ký xác thực hiện nay chỉ thực hiện đối với từng trang file Word, Pdf; khả năng đáp ứng việc thanh toán trực tuyến trên hệ</p>

	<p>thông DVC của tỉnh đối với các TTHC thuộc ngành Xây dựng sau khi có kết quả giải quyết mới tính toán được chi phí phải nộp mà không có phí cố định.</p> <p>Kiến nghị Bộ Y tế: sớm ban hành Quyết định công bố về Liên thông nhóm thủ tục Cấp chứng chỉ hành nghề Khám, chữa bệnh/cấp chứng chỉ hành nghề Dược và cấp phiếu lý lịch tư pháp Theo Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia năm 2022.</p> <p>Kiến nghị Bộ Nội vụ: xem xét bãi bỏ các TTHC cấp tỉnh, cấp huyện thuộc lĩnh vực tổ chức bộ máy như: “Thủ tục thẩm định việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập”, “Thủ tục thẩm định việc tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập”, “Thẩm định việc giải thể đơn vị sự nghiệp công lập” và lĩnh vực công chức: “Thủ tục thi nâng ngạch công chức” để thực hiện công bố TTHC nội bộ theo quy định tại Quyết định 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Lý do: đối tượng đề nghị thực hiện các thủ tục này là các tổ chức, đơn vị, công chức, viên chức trong hệ thống hành chính, sự nghiệp Nhà nước, không phải cá nhân, doanh nghiệp; mặt khác, căn cứ thực tiễn, các TTHC trên đang được địa phương triển khai xử lý qua hệ thống phần mềm hồ sơ công việc, vừa tiết kiệm thời gian và vừa tiết kiệm chi phí dịch vụ bưu chính công ích.</p> <p>Kiến nghị Bộ Công an: nâng cao hiệu quả việc tích hợp tài khoản định danh điện tử VNeID vào Cổng dịch vụ công Quốc gia, để người dân sử dụng giao dịch hồ sơ trực tuyến và lưu trữ vào kho dữ liệu hồ sơ điện tử. Hiện nay đã tích hợp, nhưng thường xuyên bị lỗi; người dân giao dịch hồ sơ trực tuyến chỉ mới dừng ở việc gửi hồ sơ chứ chưa khai thác được kho dữ liệu hồ sơ điện tử để tái sử dụng như tài khoản dịch vụ công quốc gia.</p> <p>Kiến nghị Bộ Thông tin và Truyền thông: cần có các giải pháp quản lý sim rác, tạo thuận lợi cho cán bộ một cửa các cấp trong việc xác thực danh tính số cho người dân.</p>
14	<p>UBND tỉnh Hòa Bình</p> <p>- Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nội vụ xem xét, hướng dẫn, hỗ trợ tỉnh Hòa Bình trong cách tính thời gian giải quyết, đồng bộ dữ liệu hồ sơ giải quyết TTHC (lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường, Nội vụ) giữa Cổng dịch vụ công tỉnh Hòa Bình với Cổng Dịch vụ công quốc gia nhằm đảm bảo đầy đủ, kịp thời và chính xác theo quy định hiện hành.</p> <p>- Bộ Xây dựng công bố Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 26/10/2023 về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung; thay thế trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. Trong đó, danh mục TTHC file ký số dấu đỏ gửi đến cơ quan ngành dọc và Ủy ban nhân dân các tỉnh,</p>

		thành phố với file word đăng tải công khai trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia không thống nhất (mã TTHC, thời hạn giải quyết TTHC) gây khó khăn trong việc rà soát TTHC, ảnh hưởng đến tiến độ công bố TTHC và điểm chỉ số công khai, minh bạch của địa phương.
15	UBND tỉnh Kon Tum	<p>Kiến nghị Bộ Nội vụ: Đối với các TTHC lĩnh vực công chức, viên chức (thi tuyển/xét tuyển công chức; thi nâng ngạch công chức; thi tuyển/xét tuyển viên chức; tiếp nhận vào làm viên chức): Đề nghị Bộ Nội vụ có hướng dẫn cụ thể về cách tính tổng thời gian giải quyết TTHC để địa phương xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử phù hợp với thời gian Bộ công bố và công khai trên Cổng dịch vụ công quốc gia.</p> <p>Kiến nghị Bộ Thông tin và Truyền thông:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tích hợp chia sẻ dữ liệu về quá trình tham gia BHXH, BHYT của người lao động trên hệ thống của Bảo hiểm xã hội Việt Nam để đối chiếu, đính kèm trên hồ sơ giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh. - Tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa phần mềm bảo hiểm thất nghiệp của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh; đồng thời chia sẻ dữ liệu, giảm bớt các chức năng tương đồng trên các phần mềm phần mềm đang sử dụng tại Trung tâm Dịch vụ việc làm thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tránh chồng chéo và không sử dụng nhiều phần mềm, hệ thống cùng lúc cho 01 hồ sơ dịch vụ công trực tuyến.
16	UBND tỉnh Long An	Kiến nghị Bộ chủ quản phần mềm thực hiện các nhóm TTHC liên thông nâng cấp phần mềm để việc nhập hồ sơ được thuận tiện và nhanh chóng; Cải thiện chất lượng quy trình thanh toán thuế trên cổng Dịch vụ công quốc gia (thường xuyên bị báo lỗi, phải đăng nhập lại nhiều lần khi thanh toán các thủ tục tiếp nhận trực tiếp). Đồng thời, đơn giản hóa các bước sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến để phù hợp hơn cho các đối tượng nộp hồ sơ là người lớn tuổi, hạn chế về khả năng tiếp cận ứng dụng công nghệ thông tin.
17	UBND tỉnh Nghệ An	Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường : Đối với TTHC Chuyên mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan có thẩm quyền đối với tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (mã số 1.004257), Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế (mã số 1.001990) Trong phần Trình tự thực hiện của 2 TTHC đều có nêu về việc thẩm định nhu cầu sử dụng đất trước khi cơ quan có thẩm quyền ra các quyết định chuyên mục đích/gia hạn sử dụng đất. Tuy nhiên, thẩm định nhu cầu sử dụng đất đã được công bố là 1 TTHC độc lập (mã số 1.003010), có thời hạn giải quyết là 15 ngày làm việc. Do đó, đề nghị không lồng ghép việc thẩm định nhu cầu sử dụng đất trong 2 quy trình của 2 TTHC này.

	<p>Theo đó, đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉnh sửa phần Trình tự thực hiện của 2 TTHC theo hướng: người sử dụng đất phải thực hiện TTHC thẩm định nhu cầu sử dụng đất (mã số 1.003010) trước khi thực hiện 2 TTHC nêu trên.</p> <p>- Mặt khác, TTHC chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan có thẩm quyền đối với tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (mã số 1.004257) có thành phần hồ sơ gồm: “- Đơn xin phép chuyển mục đích sử dụng đất; - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; - Văn bản thẩm định điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở để bán hoặc để cho thuê hoặc để bán kết hợp cho thuê theo quy định của pháp luật về nhà ở; dự án đầu tư kinh doanh bất động sản gắn với quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản; dự án sản xuất, kinh doanh không sử dụng vốn từ ngân sách nhà nước”. Trong khi đó, theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất quy định hồ sơ mà người sử dụng đất phải nộp chỉ có 2 thành phần hồ sơ, cụ thể: “Người sử dụng đất nộp 01 bộ hồ sơ đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; hồ sơ gồm: a) Đơn xin chuyển mục đích sử dụng đất theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này; b) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” Do đó, đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố bổ sung cho trường hợp chuyển mục đích nêu tại Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường</p>
18	<p>Kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Giao thông vận tải đồng bộ đầy đủ thông tin tiếp nhận, xử lý hồ sơ và kết quả giải quyết TTHC (chia sẻ quy trình giải quyết TTHC: đúng hạn, trễ hạn) với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh, và một số trường thông tin khác để thực hiện đánh giá chất lượng giải quyết TTHC, dẫn đến không bảo đảm được nghiệp vụ đánh giá chất lượng quyết TTHC tại địa phương theo thống kê tại Quyết định 766/QĐ-TTg trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.</p> <p>Kính đề nghị Bộ Tư pháp chỉ đạo Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia sớm có giải pháp khắc phục tình trạng chậm trễ trong trả kết quả xác minh thông tin lý lịch tư pháp để tỉnh cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân đúng thời gian hẹn trả hồ sơ. Trường hợp chậm, muộn</p>

		<p>trả kết quả thì phải có Thư xin lỗi và hẹn ngày trả lại kết quả cho công dân được rõ theo quy định.</p>
19	UBND tỉnh Sóc Trăng	<p>Thực hiện nhiệm vụ rà soát, làm sạch toàn bộ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh đã được công bố, công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, tỉnh còn gặp một số khó khăn, vướng mắc, đề nghị các Bộ xem xét, cụ thể như sau:</p> <p>1. Đối với mã TTHC do Bộ Tư pháp công khai: Các TTHC được công khai có mã số 1.000112, 1.000075, 1.000100 theo Quyết định số 991/QĐ-BTP ngày 11/6/2021 của Bộ Tư pháp, quy định cấp thực hiện là cấp trung ương (cơ quan thực hiện là Bộ Tư pháp), tuy nhiên, trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC (phân hệ của tỉnh), các TTHC có mã số nêu trên vẫn đang hiển thị cấp thực hiện là cấp tỉnh, kiến nghị Bộ Tư pháp xem xét rà soát, điều chỉnh cấp thực hiện theo đúng Quyết định số 991/QĐ-BTP.</p> <p>2. Đối với mã TTHC do Bộ Giao thông vận tải công khai: TTHC mã số 2.000909 được bãi bỏ tại Quyết định số 1221/QĐ-BGTVT ngày 20/6/2020 của Bộ Giao thông vận tải (chỉ bãi bỏ TTHC cấp trung ương), nhưng trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC (phân hệ của tỉnh) TTHC mã số 2.000909.000.00.00.H51 đang trong trạng thái bị bãi bỏ, đề nghị Bộ Giao thông vận tải rà soát, cập nhật lại trạng thái công khai đối với TTHC có mã số 2.000909 theo đúng Quyết định số 1221/QĐ-BGTVT.</p> <p>3. Đề nghị Bộ Tài nguyên Môi trường xem xét, cập nhật file Quyết định số QĐ/0001/TNMT ngày 30/12/2022 lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, để địa phương có cơ sở công bố TTHC có mã số 2.001767 (cụ thể tên TTHC).</p> <p>4. Đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, kiểm tra và cập nhật bổ sung file Quyết định số 0002 ngày 12/6/2020 lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, để địa phương có cơ sở bãi bỏ TTHC mã số 1.000373.</p> <p>Trong quá trình triển khai thực hiện tiếp nhận, giải quyết các TTHC lĩnh vực Đất đai trên địa bàn tỉnh, vẫn còn một số nội dung khó khăn, vướng mắc cho cán bộ, công chức và người dân, doanh nghiệp khi thực hiện TTHC về thành phần hồ sơ (chưa có một số mẫu đơn, tờ khai theo quy định tại Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất) và thời hạn giải quyết, đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, hướng dẫn địa phương tháo gỡ kịp thời.</p>
20	UBND tỉnh Trà Vinh	<p>- Đề nghị Bộ Tư pháp sớm nâng cấp phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử vì hiện tại thường hay bị lỗi, bị treo, ký số không được ... gây khó khăn trong giải quyết hồ sơ cho dân, ảnh hưởng đến trả kết quả cho người dân chậm.</p>

		<p>- Đề nghị Bộ Công an và Bộ Tư pháp phối hợp khắc phục tính năng đồng bộ tự động cập nhật của hệ thống đối với phần mềm cư trú và đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử (thí dụ trường hợp giấy khai sinh có sai sót công chức đã thực hiện việc sửa chữa, sai sót nhưng bên phần mềm cư trú không cập nhật được...).</p> <p>- Đề nghị Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hỗ trợ Trà Vinh thao tác trên phần mềm theo Công văn số 936/LĐT BXH-NCC ngày 16/3/2023 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội .Sở Lao động – Thương binh và Xã hội vẫn chưa thực hiện giải quyết trợ cấp mai táng khi người có công từ trần trên cổng https://csdl-nguoiococong.molisa.gov.vn.</p>
21	UBND tỉnh Vĩnh Long	<p>Kiến nghị Bộ Giao thông vận tải sớm hoàn thiện Hệ thống dịch vụ công đổi giấy phép lái xe, cấp giấy phép lái xe quốc tế của Cục Đường bộ Việt Nam đối với giấy phép lái xe moto.</p>